

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
(Thời gian: Tháng 4/2024)

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
8h00-8h30	Đón tiếp cổ đông, khách mời	Ban đón tiếp cổ đông
8h30-8h40	Khai mạc Đại hội	Ban Tổ chức
8h40-8h50	- Thông qua Tô Thư ký - Thông qua Ban Kiểm phiếu và bầu cử	Đoàn Chủ tịch
8h50-8h55	Thông qua nội dung chương trình Đại hội	Đoàn Chủ tịch
8h55-9h05	Báo cáo Tổng kết hoạt động SXKD năm 2023 và Triển khai kế hoạch năm 2024	Ban KHĐT
9h05-9h15	- Báo cáo Tổng kết hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị PVChem - Báo cáo tình hình quản trị công ty	Quản trị Công ty
9h15-9h25	Báo cáo kết quả hoạt động của Ủy viên HĐQT độc lập PVChem	UV.HĐQT độc lập
9h25-9h35	Tờ trình thực hiện tiền lương, tiền thưởng, thù lao của HĐQT năm 2023 và kế hoạch tiền lương, tiền thưởng, thù lao HĐQT năm 2024	Ban TCNL
9h35-9h45	Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán Tờ trình Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024	Ban TCKT
9h45-9h55	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024	UBKT
9h55-10h05	Tờ trình sửa đổi điều lệ PVChem	Ban TCNL
10h05-10h10	Tờ trình thông qua thay đổi vốn điều lệ của PVChem	Ban TCKT
10h10-10h30	Thảo luận và biểu quyết các nội dung trên	Đoàn Chủ tịch/Ban Kiểm
10h30-10h40	Tờ trình nhân sự/bầu thành viên HĐQT	Ban TCNL/Ban bầu cử phiếu
10h40-11h00	Nghỉ giải lao	
11h00-11h10	Công bố kết quả kiểm phiếu/bầu cử	Ban Bầu cử/Ban Kiểm phiếu
11h10-11h20	Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội	Tô Thư ký
11h20-11h30	Bế mạc Đại Hội	Ban tổ chức



Số: /PVChem-HĐQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG 2023 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí (PVChem)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 15/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của PVChem;

Hội đồng quản trị (HĐQT) PVChem xin báo cáo ĐHĐCĐ hoạt động năm 2023, Kế hoạch hoạt động năm 2024 với các nội dung cụ thể như sau:

I. Đánh giá chung hoạt động của PVChem năm 2023

Triển khai hoạt động SXKD 2023 PVChem còn gặp nhiều khó khăn do sức ép cạnh tranh ngày càng gay gắt dẫn đến thị phần, thị trường đối với một số lĩnh vực của PVChem bị thu hẹp (lĩnh vực dung dịch khoan, dịch vụ công nghiệp...), nguồn nhân lực, cơ sở vật chất còn hạn chế, tỷ trọng lĩnh vực thương mại còn lớn, lĩnh vực sản xuất chiếm tỷ trọng nhỏ... Bên cạnh những khó khăn, PVChem luôn nhận được sự quan tâm và ủng hộ từ phía PVN; tập thể lãnh đạo, CBCNV PVChem đoàn kết, đội ngũ CBCNV làm việc gián tiếp tại Công ty Mẹ tiếp tục được kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả...

Một số chỉ tiêu SXKD năm 2023 ước đạt:

- Tổng doanh thu: 3.273,51 tỷ đồng/2.500 tỷ đồng kế hoạch năm, đạt 131% kế hoạch năm, bằng 111% so với năm 2022;
- Lợi nhuận trước thuế: 54,56 tỷ đồng/42 tỷ đồng kế hoạch năm, đạt 130% kế hoạch năm, bằng 141% so với năm 2022;
- Lợi nhuận sau thuế: 35,02 tỷ đồng/29,4 tỷ đồng kế hoạch năm, đạt 119% kế hoạch năm, bằng 129% so với năm 2022.
- Nộp NSNN: 185,37 tỷ đồng/110 tỷ đồng kế hoạch năm, đạt 169% kế hoạch năm, bằng 128% so với năm 2022.

II. Kết quả hoạt động của HĐQT/từng thành viên HĐQT

1. Kết quả hoạt động của HĐQT

HĐQT PVChem gồm 05 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT làm việc theo chế độ chuyên trách, 01 Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc, 02 Ủy viên HĐQT chuyên trách, 01 Ủy viên HĐQT độc lập. HĐQT thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật và Điều lệ PVChem.

Theo sự phân công, điều động của PVN, từ ngày 25/1/2024, ông Dương Trí Hội- Ủy viên HĐQT PVFCCo được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc PVChem thay ông Phan Công Thành- Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc PVChem; ông Phan Công Thành có đơn từ nhiệm Thành viên HĐQT PVChem từ ngày 25/1/2024.

Năm 2023, HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền. Trên cơ sở kết quả các cuộc họp/phiếu lấy ý kiến, HĐQT đã ban hành các văn bản (Nghị quyết, Quyết định, Biên bản...) để có cơ sở triển khai thực hiện. HĐQT tham gia đầy đủ và chỉ đạo kịp thời đối với hoạt động của PVChem thông qua các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng/Quý.

Một số kết quả chính như sau:

- Tập trung chỉ đạo hoàn thành kế hoạch SXKD được ĐHCĐ/PVN giao; chỉ đạo xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024;
- Tập trung nguồn lực triển khai Chiến lược phát triển PVChem đến 2035, Kế hoạch 5 năm 2021-2025, trong đó tập trung triển khai các dự án trong chuỗi liên kết giá trị của PVN, phù hợp với định hướng phát triển PVChem nhằm nâng cao tỷ trọng lĩnh vực sản xuất (dự án PP compound, H₂O₂...);
- PVChem hoàn thành công tác tăng Vốn điều lệ từ 500 tỷ lên 812 tỷ theo phương án được ĐHCĐ thông qua;
- Triển khai Đề án cơ cấu lại PVChem đến 2025, trong đó, tập trung hoàn thiện thể chế quản lý, hệ thống quy trình, quy chế nội bộ; Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp hướng tới quản trị chuyên sâu theo đặc thù lĩnh vực hoạt động của đơn vị (hoàn thành chuyển đổi mô hình hoạt động của Chi nhánh PVChem-ITS thành Công ty TNHH);
- Rà soát, sửa đổi/ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của các đơn vị (PVChem-CS, PVChem-ITS), Quy chế tiền lương, tiền thưởng PVChem, Quy chế công tác phí PVChem, Quy chế quản lý tài chính Công ty DMC-Miền Nam;
- Rà soát, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ phù hợp với năng lực và tình hình thực tế tại Tổng công ty (Trưởng Ban Kiểm toán nội bộ, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty...);
- Tổ chức họp định kỳ hàng tháng để cập nhật tình hình, đôn đốc và tháo gỡ những khó khăn, chỉ đạo chủ động rà soát, phối hợp cùng đối tác triển khai các dự án đầu tư (dự án PP compound, dự án H₂O₂...);
- Tích cực chỉ đạo, làm việc với đối tác trong liên doanh DMC-VTS nhằm tháo gỡ những khó khăn tại DMC-VTS, đồng thời tìm kiếm, làm việc với đối tác quan tâm mua lại cổ phần của PVChem tại DMC-VTS;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, hàng tồn kho nhằm sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn vốn tại đơn vị. Năm 2023, PVChem thu hồi công nợ 2 tỷ, hoàn nhập dự phòng 1,95 tỷ;
- Chỉ đạo Người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên/liên kết trong triển khai nhiệm vụ được giao, bảo toàn và phát triển phần vốn góp của PVChem tại đơn vị có vốn góp;
- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2023.

2. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT

Trên cơ sở quyết định phân công công việc trong HĐQT, từng thành viên HĐQT đã chủ động lên kế hoạch làm việc, có kiểm tra, giám sát và chỉ đạo đối với lĩnh vực/đơn vị được phân công phụ trách. Các thành viên HĐQT chủ động trao đổi, bàn bạc và kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD của PVChem/đơn vị thành viên. Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và có ý kiến biểu quyết đối với từng nội dung thuộc thẩm quyền, đồng thời thực hiện tốt công tác giám sát, chỉ đạo và đôn đốc Ban điều hành/đơn vị trong triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

Định kỳ cuối năm, HĐQT tổ chức kiểm điểm, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT.

III. Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT

Năm 2023, thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT được thực hiện theo các quy định của PVChem và theo Nghị quyết số 668/NQ-PVChem ngày 27/6/2023 của ĐHĐCĐ, cụ thể:

- Về tiền lương, thưởng, thù lao của HĐQT và từng Ủy viên HĐQT: theo quy định về chế độ tiền lương, tiền thưởng, thù lao của PVChem và quy định hiện hành.
- Về chi phí hoạt động của HĐQT và từng Ủy viên HĐQT: theo các quy định của PVChem và các quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình hoạt động của PVChem.

Chi tiết tiền lương, thưởng, thù lao của các Ủy viên HĐQT tại Tờ trình về chế độ tiền lương, thưởng, thù lao HĐQT năm 2023 và Kế hoạch về chế độ tiền lương, thưởng, thù lao HĐQT năm 2024.

IV. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT

HĐQT đã tổ chức họp định kỳ và tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các nội dung thuộc thẩm quyền (tổ chức 17 cuộc họp, 95 phiếu lấy ý kiến). Các cuộc họp/lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ PVChem và Quy chế hoạt động của HĐQT. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT được ban hành trên cơ sở thống nhất cao trong HĐQT, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của PVChem và định hướng, chiến lược, kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ giao, đồng thời đảm bảo lợi ích của các cổ đông.

Các văn bản do Ban điều hành trình luôn được HĐQT tập trung xử lý, không để tồn đọng làm ảnh hưởng đến hoạt động SXKD. Ngoài ra, HĐQT thường xuyên tham gia và có chỉ đạo tại các cuộc họp giao ban tháng/Quý, các cuộc họp chuyên đề và có chỉ đạo đối với hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Danh sách Nghị quyết, Quyết định của HĐQT như Phụ lục 1 đính kèm

V. Báo cáo về các giao dịch

1. Giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó: Không có
2. Giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: **Phụ lục 2** đính kèm

VI. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập HĐQT về hoạt động của HĐQT PVChem

1. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

PVChem có 01 thành viên HĐQT độc lập. Ngoài các lĩnh vực/đơn vị được phân công phụ trách và các hoạt động chung của HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ PVChem và các quy định liên quan; luôn phối hợp chặt chẽ với các thành viên HĐQT khác trong triển khai thực hiện nhiệm vụ. Thành viên HĐQT độc lập đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, có ý kiến và biểu quyết độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Thành viên HĐQT độc lập đã thực hiện đầy đủ vai trò trong công tác kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD của PVChem, tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

2. Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về hoạt động của HĐQT

HĐQT PVChem thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ PVChem và Quy chế hoạt động của HĐQT, cụ thể: HĐQT đã phân công phụ trách các lĩnh vực chuyên môn và hoạt động của PVChem đối với từng thành viên HĐQT, trong đó, Chủ tịch HĐQT phụ trách chung, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của HĐQT, các Ủy viên HĐQT được phân công phụ trách từng lĩnh vực, đơn vị.

HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số, các vấn đề cần quyết định theo thẩm quyền của HĐQT đều được thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT ban hành và các quyết định chỉ có hiệu lực khi được đa số Ủy viên HĐQT nhất trí thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.

Năm 2023, ngành Dầu khí nói chung và PVChem còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự đoàn kết, thống nhất cao và sự chỉ đạo quyết liệt của HĐQT, PVChem đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHCĐ giao, đảm bảo việc làm, thu nhập và lợi ích của các cổ đông.

VII. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT

Cơ cấu tổ chức quản lý của PVChem theo điểm điểm b, khoản 1, Điều 137, Luật Doanh nghiệp 2020 (mô hình tổ chức quản lý có Ủy ban Kiểm toán trực thuộc HĐQT). Ủy Ban kiểm toán đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ và đã tổ chức các cuộc họp định kỳ theo quy định. Những kiến nghị của Ủy ban kiểm toán đã được HĐQT xem xét, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện/khắc phục góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

VIII. Kết quả giám sát Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác

HĐQT thực hiện giám sát Ban Tổng Giám đốc trong thực hiện các Quy chế, Quy định của PVChem và giám sát thực hiện Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT PVChem. Việc giám sát được thực hiện thông qua các cuộc họp HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng/Quý và các cuộc họp chuyên đề khác.

HĐQT thường xuyên trao đổi, thảo luận với Ban Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, triển khai kế hoạch SXKD năm 2023, xây dựng kế hoạch SXKD năm 2024, công tác tái cấu trúc, cán bộ, đầu tư, tài chính...

Kết quả giám sát: năm 2023, Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ Nghị quyết/Quyết định của ĐHCĐ/HĐQT PVChem, Điều lệ, các Quy chế, Quy định của PVChem và các quy định của pháp luật. PVChem đã hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch kế hoạch tài chính quan trọng về doanh thu, lợi nhuận.

IX. Việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2023

Căn cứ Nghị quyết số 766/NQ-PVChem ngày 26/6/2023 của ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT đã cùng Ban điều hành nghiêm túc chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD tại đơn vị. Hầu hết các nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao, PVChem tích cực tập trung chỉ đạo triển khai và hoàn thành nhiệm vụ mjuv hoàn thành chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước hợp nhất; thực hiện chế độ tiền lương, thù lao đối với các Ủy viên HĐQT; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính PVChem năm 2023; hoàn thành tăng Vốn điều lệ lên 812 tỷ đồng...

Đối với chỉ tiêu lợi nhuận công ty Mẹ, tỷ lệ chia cổ tức chưa hoàn thành theo kế hoạch được ĐHĐCĐ giao.

X. Tình hình quản trị PVChem năm 2023

HĐQT PVChem luôn nhận thức tầm quan trọng của công tác quản trị doanh nghiệp và nâng cao chất lượng quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế để kiểm soát, giám sát các hoạt động của PVChem một cách minh bạch, có trách nhiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật, của PVChem, đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông, người lao động PVChem.

Báo cáo tình hình quản trị công ty (6 tháng và năm), Báo cáo thường niên được PVChem xây dựng đầy đủ, minh bạch và công bố kịp thời, đúng hạn đến Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội và thông tin đến các cổ đông theo quy định.

XI. Các kế hoạch, định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024

Để hoàn thành nhiệm vụ được giao năm 2024, HĐQT thống nhất triển khai một số nhiệm vụ chính như sau:

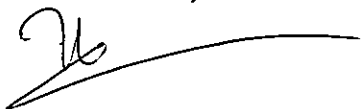
- HĐQT cùng Ban điều hành tập trung nguồn lực triển khai Chiến lược phát triển PVChem đến 2035, Kế hoạch 5 năm 2021-2025, Kế hoạch SXKD năm 2024, trong đó tập trung triển khai các dự án trọng điểm (PP Compound, H2O2) nhằm nâng cao tỷ trọng lĩnh vực sản xuất, làm nền tảng cho sự phát triển bền vững của đơn vị;
- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư, mở rộng SXKD các đơn vị thành viên, sử dụng nguồn Vốn điều lệ tăng thêm hiệu quả; tập trung nghiên cứu, phát triển các sản phẩm dịch vụ gắn liền với lĩnh vực dịch vụ;
- Triển khai Đề án/kế hoạch cơ cấu lại PVChem đến 2025, trong đó, tập trung hoàn thiện thể chế quản lý, hệ thống quy trình, quy chế nội bộ; Xây dựng mô hình quản trị doanh nghiệp hướng tới quản trị chuyên sâu theo đặc thù lĩnh vực hoạt động của đơn vị;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị có vốn góp của PVChem (công tác tài chính kế toán, đầu tư, sử dụng vốn, hàng tồn kho, công nợ...).

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVChem (e-copy);
- Lưu VT, TK.PVChem.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trương Đại Nghĩa

PHỤ LỤC 1**CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2023**
(Kèm theo Báo cáo số /BC-PVChem ngày tháng năm 2024)**1. Nghị quyết**

TT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	1488/NQ-PVChem	29/12/2023	Nghị quyết thông qua việc sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của PVChem năm 2023	100
2	1495/NQ-PVChem	29/12/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ tại công ty PVChem-CS	100
3	1448/NQ-PVChem	22/12/2023	Nghị quyết v.v thông qua kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu của PVChem năm 2023	100
4	1403/NQ-PVChem	13/12/2023	Nghị quyết v.v thông qua kết quả thực hiện quyền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu và phương án xử lý cổ phiếu lẻ, cổ phiếu cổ đông hiện hữu không mua hết trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2023	100
5	1377/NQ-PVChem	06/12/2023	Nghị quyết v/v Công tác cán bộ tại Tổng công ty PVChem	100
6	1246/NQ-PVChem	03/11/2023	Nghị quyết về việc thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	100
7	1201/NQ-PVChem	18/10/2023	Nghị quyết v.v thông qua nội dung hợp hội đồng thành viên công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam năm 2023	100
8	925/NQ-PVChem	28/07/2023	Nghị quyết v/v Công tác cán bộ tại TCT Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	100
9	886/NQ-PVChem	20/07/2023	NQ v/v Chính thức chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Chi nhánh TCT PVChem - Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ kỹ thuật (PVChem-RT)	100
10	885/NQ-PVChem	20/07/2023	NQ v/v Chính thức chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của TCT PVChem-Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí/ Công ty TNHH Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	100
11	884/NQ-PVChem	20/07/2023	NQ v/v Chính thức chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của TCT PVChem-Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật CN/ Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật CN	100

12	883/NQ-PVChem	20/07/2023	NQ v/v Chính thức chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty CP Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Nam	100
13	882/NQ-PVChem	20/07/2023	NQ v/v Chính thức chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí	100
14	881/NQ-PVChem	20/07/2023	NQ v/v Chính thức chấp thuận Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 của Công ty TNHH PVChem-Tech	100
15	837/NQ-PVChem	12/07/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của TCT Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	100
16	815/NQ-PVChem	04/07/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ tại công ty Mẹ PVChem và công ty DMC - Miền Nam	100
17	782/NQ-PVChem	29/06/2023	Nghị quyết v.v triển khai phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2023 và thông qua danh mục hồ sơ đăng ký chào bán	100
18	750/NQ-PVChem	23/06/2023	Nghị quyết v.v chấp thuận chủ trương về công tác cán bộ tại công ty Mẹ và các đơn vị thành viên	100
19	690/NQ-PVChem	14/06/2023	Nghị quyết v.v điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023	100
20	681/NQ-PVChem	13/06/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ tại PVChem-ITS	100
21	660/NQ-PVChem	08/06/2023	Nghị quyết v.v tạm chấp thuận điều chỉnh bổ sung chỉ tiêu hạn mức vốn giao kế hoạch năm 2023 cho Chi nhánh PVChem-CS	100
22	643/NQ-PVChem	06/06/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ tại công ty Mẹ - PVChem	100
23	626/NQ-PVChem	31/05/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ tại DMC - Miền Nam	100
24	586/NQ-PVChem	19/05/2023	Nghị quyết v.v phê duyệt tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư nhận chuyển nhượng phần vốn của PVChem tại DMC-VTS	100
25	582/NQ-PVChem	17/05/2023	Phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của PVChem tại DMC-VTS	100
26	576/NQ-PVChem	16/05/2023	Nghị quyết v.v công tác cán bộ tại PVChem-Tech	100
27	543/NQ-PVChem	10/05/2023	Nghị quyết về công tác cán bộ tại DMC - Miền Nam	100
28	489/NQ-PVChem	25/04/2023	Nghị quyết v.v điều chỉnh thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của PVChem	100

29	463/QĐ-PVChem	20/04/2023	Nghị quyết v.v ban hành chương trình hành động của PVChem thực hiện nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 6/1/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dự toán ngân sách Nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023	100
30	447/NQ-PVChem	17/04/2023	Nghị quyết v.v chấp thuận nội dung biểu quyết nhân sự tham gia hội đồng quản trị công ty DMC - Miền Nam	100
31	446/NQ-PVChem	17/04/2023	Nghị quyết v.v thông qua các nội dung họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của DMC - Miền Nam	100
32	433/NQ-PVChem	13/04/2023	Nghị quyết v.v chấp thuận quỹ lương thực hiện năm 2022 đối với DMC - Miền Nam	100
33	418/NQ-PVChem	12/04/2023	Nghị quyết v.v phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 của PVChem-Tech	100
34	417/NQ-PVChem	12/04/2023	Nghị quyết v.v phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 của DMC	100
35	403/NQ-PVChem	10/04/2023	Nghị quyết v.v ban hành chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của PVChem	100
36	379/NQ-PVChem	04/04/2023	Nghị quyết v.v chấp thuận nội dung biểu quyết về thay đổi nhân sự tại M-I Vietnam	100
37	371/NQ-PVChem	03/04/2023	Nghị quyết v.v chấp thuận chủ trương về công tác cán bộ tại công ty PVChem-CS	100
38	211/NQ-PVChem	28/02/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận góp vốn bổ sung để tăng Vốn điều lệ cho Công ty TNHH PVChem-Tech (PVChem-Tech)	100
39	149/NQ-PVChem	15/02/2023	Nghị quyết v/v Chấp thuận nội dung Quy chế Quản lý tài chính của DMC-Miền Nam	100
40	05/NQ-PVChem	04/01/2023	Nghị quyết v/v công tác cán bộ tại công ty PVChem-CS	100
41	768/NQ-PVChem	26/6/2023	Nghị quyết v.v thông qua kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị	100

2. Quyết định

TT	Số ký hiệu	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	1379/QĐ-PVChem	06/12/2023	Quyết định v.v bổ nhiệm ông Vũ An giữ chức Phó Tổng giám đốc PVChem	100
2	1353/QĐ-PVChem	04/12/2023	Quyết định v.v ông Trương Việt Phương thôi giữ chức phó tổng giám đốc	100
3	1329/QĐ-PVChem	27/11/2023	Quyết định v.v ban hành quy định quản lý cán bộ, người lao động đi công tác và nghỉ giải quyết việc riêng ở nước ngoài	100
4	1328/QĐ-PVChem	27/11/2023	Quyết định v.v cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100
5	1009/QĐ-PVChem	17/08/2023	Quyết định v/v Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của TCT Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp (PVChem-ITS)	100
6	982/QĐ-PVChem	10/08/2023	Quyết định v/v cử cán bộ đi công tác nước ngoài	100
7	928/QĐ-PVChem	28/07/2023	Quyết định v/v Bổ nhiệm lại ông Trương Việt Phương giữ chức Phó Tổng Giám đốc TCT Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	100
8	926/QĐ-PVChem	28/07/2023	Quyết định v/v Bổ nhiệm lại ông Trần Văn Trinh giữ chức Kế toán trưởng TCT Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	100
9	816/QĐ-PVChem	04/07/2023	Quyết định v.v tái bổ nhiệm ông Nguyễn Trọng Hiền giữ chức Chánh Văn phòng công ty Mẹ - PVChem	100
10	688/QĐ-PVChem	13/06/2023	Quyết định v.v bổ nhiệm có thời hạn ông Nguyễn Kim Mạnh Hoàng giữ chức giám đốc công ty PVChem-ITS	100
11	686/QĐ-PVChem	13/06/2023	Quyết định v.v bổ nhiệm có thời hạn ông Bùi Tuấn Ngọc kiêm giữ chức chủ tịch công ty PVChem-ITS	100
12	647/QĐ-PVChem	06/06/2023	Quyết định v.v xếp lương chức danh đối với ông Tạ Đình Khang - Trưởng ban Kiểm toán nội bộ	100
13	646/QĐ-PVChem	06/06/2023	Quyết định về chế độ tiền lương và công tác phí đối với ban Kiểm toán nội bộ	100
14	645/QĐ-PVChem	06/06/2023	Quyết định v/v điều động, bổ nhiệm có thời hạn ông Tạ Đình Khang giữ chức trưởng ban Kiểm toán nội bộ	100

15	632/QĐ-PVChem	01/06/2023	Quyết định v.v chuyển bộ máy ban Kiểm toán nội bộ về Ủy ban kiểm toán PVChem	100
16	618/QĐ-PVChem	30/05/2023	Quyết định v.v phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp PVChem	100
17	616/QĐ-PVChem	30/05/2023	Quyết định v.v thành lập Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp PVChem	100
18	578/QĐ-PVChem	16/05/2023	Quyết định v.v điều động ông Bùi Xuân Năng đến công ty PVChem-Tech	100
19	573/QĐ-PVChem	16/05/2023	Quyết định v.v chấm dứt quan hệ lao động với ông Phạm Minh Đức	100
20	556/QĐ-PVChem	12/05/2023	Quyết định v.v ông Nguyễn Việt Thắng - người phụ trách quản trị PVChem thôi kiêm thực hiện nhiệm vụ tại ban Dự án PVChem	100
21	555/QĐ-PVChem	12/05/2023	Quyết định v.v giải thể ban Dự án	100
22	463/QĐ-PVChem	20/04/2023	Quyết định v.v ban hành chương trình hành động của PVChem thực hiện nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 6/1/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội dự toán ngân sách Nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh năm 2023	100
23	449/QĐ-PVChem	17/04/2023	Quyết định v.v thông qua nội dung sửa đổi biên bản thỏa thuận đối với ông Trần Hồng Kiên	100
24	448/QĐ-PVChem	17/04/2023	Quyết định v.v nâng lương chức danh đối với ông Phan Công Thành - Tổng giám đốc PVChem	100
25	434/QĐ-PVChem	13/04/2023	Quyết định v.v chấp thuận quỹ lương thực hiện năm 2022 đối với PVChem-Tech	100
26	432/QĐ-PVChem	13/04/2023	Quyết định v.v phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2022 đối với DMC	100
27	431/QĐ-PVChem	13/04/2023	Quyết định v.v phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2022 đối với PVChem-CS	100
28	430/QĐ-PVChem	13/04/2023	Quyết định v.v phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2022 đối với PVChem-RT	100
29	429/QĐ-PVChem	13/04/2023	Quyết định v.v phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2022 đối với PVChem-ITS	100
30	319/QĐ-PVChem	21/03/2023	Quyết định về việc Phê duyệt sửa đổi Điều lệ tổ chức và Hoạt động của Công ty TNHH PVChem Tech	100
31	307/QĐ-PVChem	20/03/2023	Quyết định v.v Chấm dứt hiệu lực Quy chế trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường của Tổng công ty PVChem ban hành kèm theo QĐ số 705/QĐ-PVChem ngày 11/5/2020	100

32	286/QĐ-PVChem	15/03/2023	Quyết định v/v Phê duyệt Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty TNHH Dịch vụ Hóa chất Dầu khí	100
33	269/QĐ-PVChem	14/03/2023	Quyết định v/v Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí	100
34	268/QĐ-PVChem	14/03/2023	Quyết định v/v Phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH PVChem-Tech	100
35	266/QĐ-PVChem	14/03/2023	Quyết định v/v cử cán bộ đi công tác tại Liên ban Nga	100
36	253/QĐ-PVChem	10/03/2023	Quyết định v.v rút hồ sơ phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2022 - 2023	100
37	116/QĐ-PVChem	06/02/2023	Quyết định v.v sửa đổi, bổ sung quy chế Công tác phí	100
38	41/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Chấp thuận quỹ lương kế hoạch năm 2022 đối với Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	100
39	40/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Chấp thuận quỹ lương kế hoạch năm 2022 đối với Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí (DMC)	100
40	39/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Chấp thuận quỹ lương kế hoạch năm 2022 đối với Công ty TNHH PVChem-Tech	100
41	38/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Phê duyệt Quỹ lương kế hoạch năm 2022 đối với Chi nhánh Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP-Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật (PVChem-RT)	100
42	37/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Phê duyệt Quỹ lương kế hoạch năm 2022 đối với Tổng công ty PVChem - Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp (PVChem-ITS)	100
43	36/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Phê duyệt Quỹ lương kế hoạch năm 2022 đối với Tổng công ty PVChem - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu khí (PVChem-CS)	100
44	34/QĐ-PVChem	11/01/2023	QĐ v/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế Tiền lương, tiền thưởng Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	100



PHỤ LỤC 2

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-PVChem ngày tháng năm 2024)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với CT	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)	
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	2022 - 2023		Các Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ	12.658
2	Công ty TNHH Dung dịch khoan và dịch vụ Dầu khí (DMC)	Công ty con	3502441229	Số 35, đường 30/4, phường 9, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2022 - 2024		Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa chất khai thác	47.681
3	Công ty TNHH Dung dịch khoan và dịch vụ Dầu khí (DMC)	nt	nt	nt	2023		Các Hợp đồng mua bán hóa chất và hóa phẩm	1.339
4	Công ty TNHH PVChem-Tech	Công ty con	0109467561	Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2022 - 2023		Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ	1.200
5	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2022 - 2023		Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ giao nhận và bơm rót hóa chất	7.801

6	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2022 - 2023		Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ đánh dấu hoá học	4.353
78	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023 - 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ bơm và phân tích mẫu	2.851
8	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2022 - 2023		Các Hợp đồng mua hóa chất	9.629
9	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023 - 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ làm sạch	1.362
10	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023 - 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ chống ăn mòn	4.003
11	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023		Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn kỹ thuật	0.481
12	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023		Hợp đồng mua bán bột PP	0.123
13	Công ty CP Hoá phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	Công ty con	3500850392	24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu	2023		Hợp đồng mua bán hóa chất	0.239
14	Công ty TNHH Dung dịch khoan MI - VN	Công ty con	3500101322	Số 99 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2023		Hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ	6.000



Số: /BC-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP
TRONG ỦY BAN KIỂM TOÁN NĂM 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí (PVChem)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 15/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của TCT Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí;

Thực hiện chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều 284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ, thành viên Hội đồng quản trị độc lập xin báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả hoạt động của Ủy ban kiểm toán (UBKT) năm 2023 với các nội dung như sau:

I. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban kiểm toán

Cơ cấu tổ chức Ủy ban kiểm toán trong năm 2023 gồm:

Họ và Tên	Chức vụ	
Trần Hồng Kiên	Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch UBKT
Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên UBKT
Hà Duy Tân	Thành viên HĐQT không điều hành	Thành viên UBKT

II. Báo cáo của thành viên HĐQT độc lập trong UBKT

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của UBKT thực hiện theo các quy định của pháp luật và các quy định của PVChem, phù hợp với tình hình hoạt động của PVChem. Năm 2023, các thành viên UBKT hưởng thù lao, các lợi ích khác với vai trò là thành viên HĐQT; không hưởng thêm thù lao khi làm thành viên UBKT.

2. Tổng kết các cuộc họp của UBKT

Cuộc họp Ủy Ban Kiểm toán PVChem

TT	Thành viên UBKT	Số buổi họp UBKT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Hồng Kiên	3/3	100%	100%	
2	Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	2/3	66,7%	100%	Đi công tác
3	Ông Hà Duy Tân	3/3	100%	100%	

Trong năm UBKT có tổ chức 03 cuộc họp, cụ thể như sau : 02 cuộc họp về lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính PVChem năm 2023, 01 cuộc họp xem xét kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 và sửa đổi Quy chế, Quy trình Kiểm toán nội bộ PVChem.

3. Kết quả giám sát đối với Báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công Ty

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

Công ty kiểm toán độc lập (KPMG) được lựa chọn đảm bảo độ tin cậy, trung thực, tuân thủ thời hạn kiểm toán, tuân thủ các quy định về nghề nghiệp, đảm bảo tính độc lập khách quan khi đưa ra các ý kiến kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 được kiểm toán độc lập bởi Công ty kiểm toán KPMG: phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của PVChem. UBKT đồng ý với những đánh giá của kiểm toán độc lập.

Năm 2023, hoạt động SXKD của PVChem vẫn còn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng tình hình kinh tế, chính trị trong nước và thế giới, biến động khó lường của tỷ giá, lãi suất, giá nguyên vật liệu đầu vào, giá cước vận tải ... đã ảnh hưởng không nhỏ đến các lĩnh vực hoạt động của PVChem. Trong tình hình đó, HĐQT và Ban điều hành đã chủ động đề ra các giải pháp ứng phó nhằm hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ giao. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD như sau:

Kết quả hợp nhất:

- Tổng doanh thu 3.273,51 tỷ đồng/Kế hoạch 2.500 tỷ đồng bằng 130,94% Kế hoạch năm;
- Tổng lợi nhuận trước thuế 54,55 tỷ đồng/Kế hoạch 42 tỷ đồng bằng 129,88% Kế hoạch năm;
- Tổng lợi nhuận sau thuế 35,02 tỷ đồng/Kế hoạch 29,4 tỷ đồng bằng 119,1% kế hoạch năm;
- Nộp NSNN 185,37 tỷ đồng/ Kế hoạch 110 tỷ đồng bằng 168,5% Kế hoạch năm;

Kết quả Công ty Mẹ:

- Tổng doanh thu 2.271,48 tỷ đồng/Kế hoạch 1.600 tỷ đồng bằng 141,9% Kế hoạch năm;
- Tổng lợi nhuận trước thuế/Sau thuế đạt 6 tỷ đồng/Kế hoạch 24,1 tỷ đồng bằng 24,9% Kế hoạch năm.

4. Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó: *Không có*

Báo cáo về các giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên HĐQT, TGD, người điều hành khác là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 3 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: *Phụ lục đính kèm.*

5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro tại Công Ty

PVChem đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình kiểm soát nội bộ theo đúng quy định của pháp luật. HĐQT và Ban điều hành đã thực hiện rà soát, cập nhật các quy chế, quy định liên quan tới hoạt động vận hành, nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Tại các đơn vị đều có hệ thống kiểm soát phù hợp với mô hình hoạt động của từng đơn vị.

UBKT phối hợp với Ban điều hành để thường xuyên bám sát diễn biến thị trường, dự báo nhằm hạn chế các rủi ro môi trường, kinh tế, luật pháp, rủi ro đặc thù ngành và các rủi ro khác.

UBKT giám sát Ban Kiểm toán nội bộ (KTNB) thực hiện các hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng các quy định, quy chế. Ban KTNB nhận diện và đánh giá rủi ro trong hoạt động của công ty mẹ và các đơn vị làm cơ sở lập kế hoạch KTNB theo định hướng rủi ro. Trong năm 2023, Ban KTNB đã thực hiện việc kiểm toán định kỳ hoạt động tại công ty mẹ và các đơn vị có vốn góp của PVChem, đưa ra các kiến nghị liên quan đến quy trình quản lý hoạt động; báo cáo các rủi ro đáng kể, yêu cầu các đơn vị hoàn thiện những vấn đề còn hạn chế trong quá trình hoạt động cũng như sửa đổi Quy chế, Quy trình kiểm toán nội bộ sau khi chuyển bộ máy Ban KTNB về UBKT từ tháng 6/2023.

6. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác của Công Ty

HĐQT PVChem thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ PVChem và Quy chế hoạt động. HĐQT đã triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023. Trong HĐQT đã phân công phụ trách cụ thể các lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động của PVChem đối với từng thành viên HĐQT.

HĐQT PVChem hoạt động theo nguyên tắc tập thể, các vấn đề cần quyết định theo thẩm quyền của HĐQT đều được thảo luận trực tiếp tại các phiên họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT ban hành các quyết định khi được đa số ủy viên HĐQT nhất trí thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật. Trong năm 2023, HĐQT PVChem đã ban hành 85 nghị quyết/quyết định để thực hiện quản lý hoạt động, cơ cấu tổ chức nhân sự.

Các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch SXKD, tình hình đầu tư các dự án, công tác tăng vốn, công tác tái cấu trúc Tổng công ty ... thường xuyên được HĐQT xem xét, đánh giá, trao đổi trong các cuộc họp của HĐQT với Ban điều hành.

Năm 2023, Ban Tổng giám đốc PVChem chỉ đạo triển khai hoạt động SXKD, hoàn thành công tác tăng vốn điều lệ tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết/quyết định của HĐQT, các quy chế, quy định của PVChem và các quy định của pháp luật.

Ban Tổng giám đốc định kỳ tổ chức họp đánh giá, cập nhật tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động của các đơn vị. Bên cạnh đó, Ban Tổng giám đốc cũng đã áp dụng hiệu biện pháp làm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý, giúp tiết giảm chi phí.

Năm 2023, ngành Dầu khí nói chung và PVChem còn gặp nhiều khó khăn nhưng với sự đoàn kết thống nhất cao, PVChem đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, đảm bảo việc làm, thu nhập của CBCNV và lợi ích của các cổ đông.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa UBKT với HĐQT và Tổng Giám Đốc và các cổ đông

Trong quá trình hoạt động, Ủy Ban kiểm toán đã phối hợp tốt với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông. Ủy ban kiểm toán không bị can thiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ, được tạo điều kiện tiếp cận các tài liệu liên quan tình hình hoạt động của công ty. Ủy Ban kiểm toán tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, có ý kiến độc lập về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.


III. Định hướng hoạt động của UBKT trong năm 2024

Nhằm thực hiện mục tiêu hoạt động, UBKT đề ra kế hoạch công tác trong năm 2024 với các nội dung chính như sau:

- Tiếp tục thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo đúng Quy chế hoạt động của UBKT. Hỗ trợ HĐQT trong việc bảo đảm công tác quản trị doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Giám sát việc Ban điều hành thực hiện các kiến nghị của UBKT/Ban KTNB, tuân thủ nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT PVChem và quy định của pháp luật.
- Giám sát việc Ban KTNB thực hiện các hoạt động kiểm toán đối với Công ty mẹ và các đơn vị theo kế hoạch KTNB năm 2024 đã được HĐQT phê duyệt, và các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của HĐQT.
- Giám sát chất lượng dịch vụ của đơn vị kiểm toán độc lập trong các đợt kiểm toán năm 2024.
- Kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn danh sách đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024 của PVChem. Trên cơ sở đó, UBKT đề xuất HĐQT lựa chọn công ty kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2024.

Trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, TGD PVChem (e-copy);
- Lưu VT, TK.PVChem. 

**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT
CHỦ TỊCH ỦY BAN KIỂM TOÁN**

Trần Hồng Kiên

PHỤ LỤC

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-PVChem ngày tháng năm 2024 của PVChem)

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức / cá nhân	Mối quan hệ liên quan với CT	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch (triệu đồng)
1	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ	0100681592	18 Láng Hạ, Thành Công, Ba Đình, Hà Nội	2022 - 2023		Các Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ 12.658
2	Công ty TNHH Dung dịch khoan và dịch vụ Dầu khí (DMC)	Công ty con	3502441229	Số 35, đường 30/4, phường 9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2022 - 2024		Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ hóa chất khai thác 47.681
3	Công ty TNHH Dung dịch khoan và dịch vụ Dầu khí (DMC)	nt	nt	nt	2023		Các Hợp đồng mua bán hóa chất và hóa phẩm 1.339
4	Công ty TNHH PVChem-Tech	Công ty con	0109467561	Tầng 16, tòa nhà IDMC, số 15, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2022 - 2023		Hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học & công nghệ 1.200
5	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2022 - 2023		Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ giao nhận và bơm rót hóa chất 7.801

6	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2022 - 2023		Các Hợp đồng cung cấp dịch vụ đánh dấu hoá học	4.353
7	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023 - 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ bơm và phân tích mẫu	2.851
8	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2022 - 2023		Các Hợp đồng mua hóa chất	9.629
9	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023 - 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ làm sạch	1.362
10	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023 - 2024		Hợp đồng cung cấp dịch vụ chống ăn mòn	4.003
11	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023		Hợp đồng cung cấp dịch vụ tu vấn kỹ thuật	0.481
12	Công ty TNHH PVChem-Tech	nt	nt	nt	2023		Hợp đồng mua bán bột PP	0.123
13	Công ty CP Hoá phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	Công ty con	3500850392	24/8 Lê Thánh Tông, Phường Thới Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	2023		Hợp đồng mua bán hóa chất	0.239
14	Công ty TNHH Dung dịch khoan MI - VN	Công ty con	3500101322	Số 99 Lê Lợi, Phường Thới Nhì, TP Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	2023		Hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ	6.000

Số: /BC-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Triển khai Kế hoạch năm 2024

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông

Tổng công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thực hiện Nghị quyết số 766/NQ-PVChem ngày 26/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 của Tổng công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP (PVChem), Ban lãnh đạo PVChem đã tích cực chỉ đạo toàn Tổng công ty quyết tâm thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra. Thay mặt Ban lãnh đạo PVChem, tôi xin báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2023 và Kế hoạch triển khai hoạt động SXKD năm 2024 của PVChem như sau:

PHẦN THỨ NHẤT - TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2023

Kế hoạch SXKD năm 2023 của PVChem được Đại hội đồng cổ đông PVChem thông qua ngày 26/6/2023 tại Nghị quyết số 766/NQ-PVChem với các chỉ tiêu chính:

- **Chỉ tiêu kế hoạch toàn Tổng công ty (hợp nhất)**

- Sản lượng sản xuất: 13.000 tấn
- Tổng doanh thu: 2.500 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 42 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 29,4 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 110 tỷ đồng

- **Chỉ tiêu kế hoạch Công ty Mẹ - PVChem**

- Tổng doanh thu: 1.600 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 24,1 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 24,1 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 55 tỷ đồng
- Chỉ tiêu đầu tư: 450,9 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 4 % (xây dựng trên cơ sở Vốn điều lệ 500 tỷ đồng)

I. Đánh giá tổng thể:

Đặc thù hoạt động SXKD cốt lõi của PVChem là cung cấp sản phẩm, dịch vụ

cho các hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí. Năm 2023 hoạt động SXKD của PVChem phải đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức khi: (i) giá các nguyên liệu, vật tư đầu vào tăng cao làm giảm lợi nhuận của các lĩnh vực hoạt động chính; (ii) các hoạt động cung cấp dịch vụ đều được thực hiện thông qua hình thức đấu thầu rộng rãi trong nước và mở rộng sang hình thức đấu thầu rộng rãi quốc tế, do đó có nhiều đối thủ tham gia và cạnh tranh quyết liệt; (iii) áp lực cạnh tranh lớn giữa các Công ty Dung dịch khoan ảnh hưởng thị phần cung cấp dịch vụ dung dịch khoan của PVChem, áp lực cạnh tranh lớn trong lĩnh vực dịch vụ công nghiệp, các đối thủ trong và ngoài nước, cơ hội tìm kiếm hợp đồng mới của PVChem ngày càng khó khăn; (iv) một số chương trình khoan của Nhà thầu lùi sang năm 2024.

Tuy nhiên để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu Kế hoạch, ngay từ đầu năm 2023 sau khi đánh giá đầy đủ, toàn diện các rủi ro có thể tác động tới hoạt động SXKD, PVChem đã chủ động xây dựng các kịch bản điều hành để ứng phó với những biến động có thể xảy ra. Từ phương án thúc đẩy hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, dự trữ hàng tồn kho và tiêu thụ sản phẩm đến bám sát biến động về tỷ giá, lãi suất để quản trị dòng tiền đảm bảo linh hoạt, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất cho hoạt động SXKD và đầu tư,....Do vậy, năm 2023 hoạt động SXKD của PVChem ghi nhận kết quả khả quan.

II. Kết quả đạt được trong năm 2023

PVChem đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu tài chính hợp nhất do ĐHĐCĐ thông qua trước thời điểm 01 tháng của năm Kế hoạch và có sự tăng trưởng cao so với thực hiện năm 2022.

- *Kết quả hợp nhất toàn Tổng công ty năm 2023:* Tổng Doanh thu 3.273,51 tỷ đồng: vượt 31% Kế hoạch năm 2023 ĐHĐCĐ thông qua, tăng 11% so với năm 2022. Tổng Lợi nhuận trước thuế 54,56 tỷ đồng: vượt 30% Kế hoạch năm 2023 ĐHĐCĐ thông qua, tăng 41% so với năm 2022. Nộp Ngân sách Nhà nước 185,37 tỷ đồng, vượt 69% Kế hoạch năm 2023 và tăng 28% so với năm 2022.

- *Kết quả hoạt động của Công ty Mẹ - PVChem:* Tổng doanh thu 2.271,48 tỷ đồng, vượt 42% Kế hoạch năm và tăng 13% so với năm 2022. Tổng lợi nhuận trước thuế 6,00 tỷ đồng, đạt 25% Kế hoạch năm và giảm 44% so với năm 2022. Ngân sách Nhà nước 114,39 tỷ đồng, vượt 108% Kế hoạch năm và tăng 34% so với năm 2022.

Bảng 1. Kết quả SXKD hợp nhất toàn Tổng công ty

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH	KH	TH năm	Tỷ lệ	
			năm 2022	Năm 2023	2023	4=3:2	5=3:1
A	B	C	1	2	3	4=3:2	5=3:1
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	12.857	13.000	11.675	90	91
2	Doanh thu	Tỷ đồng	2.954,31	2.500,00	3.273,51	131	111
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	38,73	42,00	54,56	130	141
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	27,25	29,40	35,02	119	129

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH Năm 2023	TH năm 2023	Tỷ lệ	
5	Nộp NSNN	Tỷ đồng	144,30	110,00	185,37	169	128
6	Thu nhập bình quân	Tr đ/ng/tháng	23,70	22,00	28,35	129	120

Bảng 2. Kết quả SXKD của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2022	KH Năm 2023	TH năm 2023	Tỷ lệ	
A	B	C	1	2	3	4=3:2	5=3:1
1	Công ty mẹ - TCT						
-	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	2.008,19	1.600,00	2.271,48	142	113
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,71	24,10	6,00	25	56
-	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	10,71	24,10	6,00	25	56
-	Nộp NSNN	Tỷ đồng	85,54	55,00	114,39	208	134
-	Đầu tư	Tỷ đồng	61,70	450,90	257,50	57	417
2	DMC – Miền Nam						
-	Doanh thu	Tỷ đồng	355,39	315,00	382,40	121	108
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	4,00	4,00	2,01	50	50
3	PVChem – Tech						
-	Doanh thu	Tỷ đồng	202,98	320,00	311,51	97	153,4
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,03	7,50	5,13	68	102
4	Công ty DMC						
-	Doanh thu	Tỷ đồng	340,44	385,00	507,46	132	149
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	14,34	16,50	40,36	244	281
5	M-I Vietnam						
-	Doanh thu	Tỷ đồng	354,08	400,00	277,29	69	78
-	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	36,01	36,00	36,22	101	101

a. Trong lĩnh vực dịch vụ: Lĩnh vực này ghi nhận kết quả khả quan và tiếp tục là điểm sáng trong hoạt động SXKD của PVChem năm 2023, với doanh thu, lợi nhuận đạt vượt mức kế hoạch và tăng trưởng cao so với năm 2022 (doanh thu lĩnh vực dịch vụ đạt 1.100 tỷ đồng, vượt 22% Kế hoạch năm và tăng 10% so với năm 2022). Trong lĩnh vực dịch vụ dung dịch khoan: PVChem tiếp tục giữ vững và phát triển thị phần dịch vụ dung dịch khoan, có sự tăng trưởng đột biến, khẳng định vị thế và vai trò của PVChem trong chuỗi giá trị của ngành Dầu khí, năm 2023 PVChem triển khai cung cấp dịch vụ cho 15 giếng khoan của các nhà điều hành thăm dò khai thác dầu khí. Lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật: PVChem tiếp tục triển khai đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật khâu đầu và khâu sau cho các nhà thầu dầu

khí và được các khách hàng đánh giá cao. Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp: PVChem tích cực phát huy chuỗi liên kết, hợp tác và phát huy tối đa nguồn lực từ Nhà máy LH Dung Quất, Nhà máy Đạm Cà Mau, PVCollege; PVChem đã triển khai thành công “Gói thầu bảo dưỡng tổng thể số 1-TA23” tại Nhà máy LHD Nghi Sơn, đảm bảo an toàn, vượt tiến độ với chất lượng cao nhất và được chủ đầu tư đánh giá cao. Việc hoàn thành bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy LHD Nghi Sơn là một bước ngoặt lớn đối với PVChem, đồng thời mở ra cơ hội để PVChem tiếp tục thúc đẩy chuỗi liên kết trong khối dịch vụ, tham gia các dịch vụ bảo dưỡng tổng thể, sửa chữa cho các công trình dầu khí tại Việt Nam.

b. *Trong lĩnh vực kinh doanh:* PVChem tiếp tục duy trì ổn định cung cấp dịch vụ hoá chất cho các hoạt động dầu khí, từ khoan, khai thác, lọc hoá dầu đến chế biến khí, điện đạm, với danh mục hoá chất ngày càng đa dạng hoá với các nguồn hàng từ nhập khẩu, trong nước và tự pha trộn,...*Doanh thu từ lĩnh vực kinh doanh đạt 2.100 tỷ đồng, vượt 27% Kế hoạch năm và tăng 10,5% so với năm 2022.* Năm 2023, PVChem đã trúng thầu và ký kết được một số hợp đồng cung cấp hoá chất khoan, khai thác, hoá chất lọc dầu có giá trị lớn với các nhà thầu dầu khí.

c. *Trong lĩnh vực sản xuất:* Tổng sản lượng sản xuất hóa phẩm đạt 11.675 tấn, đạt 90% Kế hoạch năm và bằng 91% so với năm 2022. Năm 2023, PVChem chủ yếu tập trung sản xuất các sản phẩm truyền thống (*Xi măng G, Silica Flour, Bentonite API, ...*) để cung cấp cho VSP và các Công ty Dịch vụ dầu khí tại Việt Nam. Hiện nay, PVChem đang tích cực triển khai các phương án nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà máy Cái Mép như: Phối hợp với các đối tác nghiên cứu sản xuất phụ gia Xi măng/bê tông và nghiên cứu nâng cao giá trị của sản phẩm Bentonite; tìm kiếm để đa dạng các nguồn nguyên liệu đầu vào có giá cạnh tranh để ổn định sản xuất và tăng lợi nhuận.

d. *Công tác đầu tư phát triển:* Năm 2023, PVChem đã rà soát cẩn trọng toàn bộ các danh mục đầu tư và chỉ tập trung đầu tư mua sắm các trang thiết bị thực sự cần thiết và nghiên cứu các dự án có tính khả thi, hiệu quả theo chuỗi giá trị của PVN. Tổng mức đầu tư năm 2023 đạt 257,5 tỷ đồng, đạt 57% Kế hoạch năm và tăng 317% so với năm 2022. Năm 2023 PVChem đã phối hợp với các đối tác đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển các sản phẩm hóa chất, hóa dầu có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị dầu khí như: Hợp tác với BSR để triển khai Dự án sản xuất PP Filler Masterbatch/Compound từ bột PP của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; Hợp tác với PVFCCo nghiên cứu triển khai dự án Nhà máy sản xuất Oxy già; Hợp tác với Trường Cao đẳng nghề Dầu khí trong lĩnh vực đào tạo, dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa công trình tại Nhà máy LHD Nghi Sơn và Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Hợp tác với BSR cung cấp dịch vụ kỹ thuật để thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa đối với các Nhà máy Lọc hóa dầu.

e. *Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới và nghiên cứu khoa học tiếp tục được PVChem quan tâm và đầu tư:* PVChem đã nỗ lực chỉ đạo triển khai các giải pháp nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm/dịch vụ mới để đa dạng hoá sản phẩm sản xuất/dịch vụ và gia tăng giá trị hoạt động. Trong năm 2023, PVChem đã nghiên

cứ sản xuất các sản phẩm mới như Bentag, Cao lanh và Barite nghiên; Đồng thời, PVChem cũng đã khẩn trương triển khai công tác hoàn thiện Hệ dung dịch khoan gốc nước mới và nghiên cứu thiết lập Hệ dung dịch khoan gốc dầu, nghiên cứu phát triển thêm một số hóa chất mới cho khoan. Năm 2023, PVChem đã triển khai đúng tiến độ 14 nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với Tập đoàn.

f. *Công tác tăng Vốn Điều lệ*: PVChem đã triển khai thành công công tác tăng Vốn Điều lệ từ 500 tỷ lên 812 tỷ đồng. Đây là cơ sở và là bước đầu để PVChem có nguồn lực về vốn nhằm mở rộng hoạt động SXKD thông qua việc góp vốn thành lập và bổ sung Vốn Điều lệ cho các Đơn vị thành viên, đầu tư dự án.

g. *Công tác tiết kiệm, tiết giảm chi phí*: PVChem đã thực hiện tốt các giải pháp tiết kiệm, tiết giảm chi phí và mang lại hiệu quả cao; Đồng thời, PVChem cũng đã thực hiện tốt việc quản trị giá vốn/giá thành sản phẩm sản xuất và dòng tiền trong toàn Tổng công ty. Tổng mức tiết giảm năm 2023 đạt 1,05 tỷ đồng, đạt 105% Kế hoạch năm.

h. PVChem đã triển khai tăng tốc và chuyển đổi số, tái tạo văn hóa doanh nghiệp góp phần xây dựng môi trường làm việc hiệu quả - chuyên nghiệp.

i. Năm 2023, PVChem tiếp tục đảm bảo việc làm cho người lao động trong Tổng công ty và thu nhập tăng cao. Thu nhập bình quân năm 2023 của toàn Tổng công ty đạt 28,35 triệu đồng/người/tháng, vượt 29% Kế hoạch năm và tăng 20% so với năm 2022.

j. PVChem tiếp tục duy trì tốt công tác an sinh xã hội; Căn cứ vào Biên bản cam kết PVChem tài trợ xây 30 căn nhà tình nghĩa tại tỉnh Hà Giang với Sở Lao động Thương binh xã hội tỉnh Hà Giang, năm 2023 PVChem đã thực hiện giải ngân theo tiến độ là 300 triệu đồng (Tổng số tiền đã giải ngân là 1,32 tỷ đồng).

PHẦN THỨ HAI: KẾ HOẠCH VÀ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM 2024

Kính thưa quý vị đại biểu.

Năm 2024, PVChem đã triển khai rà soát, đánh giá tình hình thực tế của ngành dầu khí nói chung và của PVChem nói riêng để đặt ra kế hoạch cho năm 2024 với các chỉ tiêu cơ bản:

Các chỉ tiêu hợp nhất toàn Tổng công ty năm 2024

- Sản lượng sản xuất: 17.100 tấn
- Tổng doanh thu: 3.050,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 62,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 49,0 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 130 tỷ đồng
- Thu nhập bình quân: 26 triệu đồng/người/tháng

Các chỉ tiêu Công ty Mẹ - PVChem năm 2024

- Tổng doanh thu: 128,0 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 46,5 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 46,5 tỷ đồng
- Nộp ngân sách Nhà nước: 3,0 tỷ đồng
- Chi tiêu đầu tư: 222,0 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 5,5 % (xây dựng trên cơ sở Vốn điều lệ 812 tỷ đồng).

1. Dự báo các khó khăn trong triển khai Kế hoạch SXKD năm 2024

Năm 2024 dự báo sẽ là một năm tiếp tục khó khăn và thách thức đối với hoạt động SXKD của PVChem. Một số khó khăn được PVChem nhận định như sau:

- Lĩnh vực dịch vụ dung dịch khoan: Áp lực cạnh tranh lớn giữa các Công ty Dung dịch khoan sẽ ảnh hưởng đến giá thành dịch vụ, thị phần cung cấp dịch vụ của PVChem.

- Lĩnh vực dịch vụ công nghiệp: Áp lực cạnh tranh lớn, các đối thủ trong và ngoài nước với tiềm lực mạnh cả về kỹ thuật và tài chính, khi đứng trước cơ hội công việc trong các dự án lớn, luôn sẵn sàng giảm giá sâu dịch vụ cung cấp tạo lợi thế cạnh tranh đã khiến cho cơ hội tìm kiếm hợp đồng mới của PVChem ngày càng khó khăn.

- Một số dự án lớn của PVChem (*Nhà máy Hoá phẩm Dầu khí Cái Mép; Căn cứ dịch vụ của PVChem tại cảng Vietsovpetro; Tổng kho tại Dung Quất và Hệ thống thiết bị làm sạch*) chủ yếu phục vụ ngành dầu khí vẫn đang trong giai đoạn trích khấu hao, chưa phát huy hết công suất, hiệu quả thấp, do vậy lợi nhuận thực hiện giảm. Các dự án mới đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư/đầu tư nên chưa mang lại doanh thu, lợi nhuận trong năm 2024.

2. Nhiệm vụ trọng tâm

Để có thể hoàn thành kế hoạch đặt ra, nhiệm vụ chính và các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch năm 2024 của PVChem chủ yếu như sau:

✓ Về sản xuất kinh doanh

- Tập trung các nguồn lực, thực hiện các giải pháp đồng bộ nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024.

- Tiếp tục đẩy mạnh lĩnh vực kinh doanh hoá chất khai thác, hoá chất khoan, hoá chất lọc hoá dầu, hoá chất công nghiệp khác và phân phối/kinh doanh các sản phẩm hoá dầu, kinh doanh nội địa và quốc tế. Tìm kiếm cơ hội kinh doanh các sản phẩm mới mang lại hiệu quả.

- Tổ chức quản lý, điều hành và kiểm soát việc sản xuất các sản phẩm truyền thống đảm bảo chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hạ giá thành sản phẩm. Nghiên cứu phát triển sản xuất các sản phẩm mới có hiệu quả kinh tế nhằm phát huy công suất của Nhà máy Hoá phẩm Dầu khí Cái Mép.

- Nâng cao năng lực cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ kỹ thuật và dịch vụ công nghiệp, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thị trường. Tìm kiếm cung cấp các dịch vụ khảo sát và sửa chữa hệ thống chống ăn mòn cho các công trình dầu khí của các nhà máy Lọc dầu, các Nhà máy Đạm,... Mở rộng thị trường cung cấp dịch vụ xử lý nước thải sinh hoạt và O&M cho các dự án trong và ngoài ngành. Tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ cho dự án mới của PVN.

- Nghiên cứu đưa vào thử nghiệm thành công hệ dung dịch khoan của PVChem với các giếng của Vietsovpetro. Nghiên cứu phương án triển khai các giải pháp tăng cường thu hồi dầu với từng điều kiện cụ thể của các giếng khai thác.

- Chủ động phối hợp chặt chẽ với các đơn vị trong Tập đoàn: BSR, PVEP, PVGas, PVPower, NSRP, PVCFC, các JOC,... thực hiện tốt các chuỗi liên kết, hợp tác có hiệu quả để tìm kiếm công việc, các phương án hợp tác, kinh doanh, cung cấp các dịch vụ thường xuyên, duy trì hoạt động SXKD; đặc biệt tập trung tối đa nguồn lực để triển khai các chuỗi liên kết đã được hình thành, ký kết trong thời gian qua.

✓ *Về đầu tư*

- Tập trung triển khai đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất nước Oxy già với PVFCCo; nhà máy sản xuất sản phẩm PP Filler từ nguồn bột PP của BSR; nghiên cứu đầu tư Hệ thống kho Cảng Hóa chất; Nhà máy/xưởng pha trộn hóa chất.

- Phối hợp với BSR nghiên cứu cơ hội đầu tư mỏ CaCO₃/đất hiếm tại Yên Bái và Lào Cai.

✓ *Về tài chính*

- Tăng cường công tác thu hồi công nợ. Giám sát hàng tồn kho, đảm bảo hàng tồn kho ở mức an toàn.

- Khai thác sử dụng hiệu quả các tài sản trong toàn Tổng công ty.

- Bảo toàn và phát triển vốn của các cổ đông, duy trì và nâng cao các chỉ số đảm bảo an toàn hoạt động tài chính của Tổng công ty.

✓ *Công tác tái cấu trúc, đổi mới doanh nghiệp*

- Triển khai thực hiện công tác tái cơ cấu theo Kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 PVN phê duyệt tại Nghị quyết số 6298/NQ-DKVN ngày 01/11/2022, trong đó tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức PVChem theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, giảm thiểu các bộ phận quản lý, tăng cường bộ phận trực tiếp SXKD.

- Khẩn trương triển khai tiến độ thoái toàn bộ phần vốn góp của PVChem/triển khai thủ tục phá sản/giải thể DMC-VTS.

- Nghiên cứu, xây dựng phương án thành lập các Công ty Cổ phần, liên doanh, liên kết để triển khai các dự án đầu tư và tổ chức quản lý vận hành các nhà máy, công trình hình thành từ các dự án đầu tư.

✓ *Nhiệm vụ khác*

- Thực hiện rà soát, tối ưu chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tập trung công tác triển khai chuyển đổi số, hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp ERP. Triển khai theo lộ trình Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2022-2026, định hướng đến năm 2030 của PVChem.


- Triển khai công tác tái tạo văn hóa doanh nghiệp, tái tạo văn hóa kinh doanh tại PVChem.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả SXKD năm 2023 và nhiệm vụ kế hoạch 2024, kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua. PVChem trân trọng cảm ơn sự đồng hành của quý vị cổ đông, sự ủng hộ giúp đỡ của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, sự hợp tác của

các đối tác/khách hàng, sự phấn đấu nỗ lực của tập thể CBCNV PVChem. Ban Lãnh đạo PVChem mong muốn các quý vị cổ đông, nhà đầu tư, đối tác, khách hàng sẽ tiếp tục đồng hành và hợp tác với PVChem trong chặng đường phát triển phía trước.

Kính chúc toàn thể các Quý vị cổ đông, Quý vị đại biểu mạnh khỏe.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC 

Dương Trí Hội

Số: /TTr - PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Chế độ tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác
của Hội đồng quản trị PVChem

Kính gửi: Đại Hội đồng Cổ đông thường niên
Tổng công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp,
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP (PVChem) ban hành theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông PVChem,

Hội đồng quản trị PVChem xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên về việc thực hiện tiền lương, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị năm 2023 và kế hoạch tiền lương, phụ cấp Hội đồng quản trị năm 2024 như sau:

I. Báo cáo tiền lương, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác năm 2023:

Năm 2023, tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị thực hiện theo Nghị quyết số 766/NQ-PVChem ngày 26/6/2023 của ĐHCĐ thường niên năm 2023, phù hợp với quy định/quy chế của Tổng công ty và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Tổng thu nhập trước thuế đối với Hội đồng quản trị là 4,55 tỷ đồng (trong đó tiền lương, phụ cấp là 4,47 tỷ đồng, lợi ích khác là 0,079 tỷ đồng)

(Chi tiết như biểu số 1)

II. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác năm 2024

Năm 2024 chế độ tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị thực hiện theo quy chế Tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp năm 2024 đối với HĐQT dự kiến 4,33 tỷ đồng.

Tiền lương, phụ cấp năm 2024 được thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế, kết quả sản xuất kinh doanh và quy định của Tổng công ty.

Tiền lương hàng tháng và các khoản lợi ích khác được chi trả và thực hiện phù hợp với Quy chế/Quy định của Tổng công ty PVChem.

(Chi tiết như biểu số 2)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TK.HĐQT, TCNL.

Trương Đại Nghĩa

BIỂU SỐ 1: BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ LỢI ÍCH KHÁC NĂM 2023
ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PVCHEM

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-PVChem ngày /3/2024)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương, phụ cấp	Lợi ích khác (chi từ phúc lợi, trang nhuc)	Tổng thu nhập trước thuế	Ghi chú
1	Trương Đại Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	1 005 021 800	15 000 000	1 020 021 800	
2	Phan Công Thành	UV HĐQT kiêm Tổng giám đốc	990 883 800	21 390 000	1 012 273 800	
3	Hà Duy Tân	UV HĐQT	837 348 800	15 000 000	852 348 800	
4	Nguyễn Ngọc Quỳnh	UV HĐQT	837 348 800	15 000 000	852 348 800	
5	Trần Hồng Kiên	UV HĐQT độc lập	798 232 533	12 500 000	810 732 533	
	Tổng cộng:		4 468 835 733	78 890 000	4 547 725 733	

Nguyễn

BIỂU SỐ 2: KẾ HOẠCH TIỀN LƯƠNG, PHỤ CẤP NĂM 2024
ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ PVChem

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-PVChem ngày /3/2024)

Đơn vị: đồng

STT	Chức danh	Số người	Tiền lương, phụ cấp	Ghi chú
1	Chủ tịch HĐQT	1	999 285 000	
2	Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc	1	938 044 800	
3	Ủy viên HĐQT	2	1 673 049 600	
4	Ủy viên HĐQT độc lập	1	720 000 000	
	Tổng cộng:	5	4 330 379 400	



Hà nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP (PVChem) ban hành kèm theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/7/2021;

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) xem xét và thông qua Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của PVChem đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam bao gồm:

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
2. Báo cáo của Kiểm toán viên;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023;
4. Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2023;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét, chấp thuận.

Trân trọng!

(Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam đính kèm Tờ trình này).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Trương Đại Nghĩa



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 1544/QĐ-TCCB do Bộ Công Thương ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2005.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150873 ngày 30 tháng 1 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 0103009579 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150873. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150873 thay đổi lần thứ 27 ngày 30 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đại Nghĩa	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Kiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ủy viên
Ông Hà Duy Tân	Ủy viên
Ông Phan Công Thành	Ủy viên (đến ngày 25/1/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Trí Hội	Tổng Giám đốc (từ ngày 25/1/2024)
Ông Phan Công Thành	Tổng Giám đốc (đến ngày 25/1/2024)
Ông Phạm Ngọc Khuê	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/12/2023)
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23/11/2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Trần Hồng Kiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Hà Duy Tân	Thành viên

Trụ sở đăng ký Tầng 6, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,
Số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội,
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

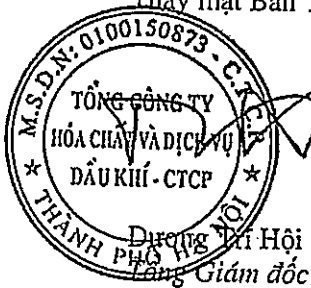
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 57 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *[Signature]*



Hà Nội, 18-03-2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 57.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00214-24-2



Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2024-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.300.338.476.233	2.064.001.744.255
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	649.484.816.227	228.243.900.597
Tiền	111		345.628.209.413	170.243.900.597
Các khoản tương đương tiền	112		303.856.606.814	58.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		156.120.000.000	123.040.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6(a)	156.120.000.000	123.040.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.158.165.965.650	1.337.797.171.092
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.060.194.746.797	1.214.894.729.370
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.350.255.249	23.085.847.770
Phải thu ngắn hạn khác	136	8(a)	112.053.417.346	139.872.486.269
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(37.432.453.742)	(40.055.892.317)
Hàng tồn kho	140	10	318.396.620.320	363.952.017.300
Hàng tồn kho	141		389.344.285.310	428.758.072.119
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(70.947.664.990)	(64.806.054.819)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.171.074.036	10.968.655.266
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.803.632.333	6.448.948.339
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.232.551.115	4.519.706.927
Thuế và các khoản phải thu từ Nhà nước	153	17	134.890.588	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		171.702.032.054	181.541.462.856
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.231.801.366	3.273.389.194
Phải thu dài hạn khác	216	8(b)	3.231.801.366	3.273.389.194
Tài sản cố định	220		130.050.016.397	146.202.835.692
Tài sản cố định hữu hình	221	11	108.020.485.305	125.933.878.634
Nguyên giá	222		397.520.391.492	399.210.779.614
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(289.499.906.187)	(273.276.900.980)
Tài sản cố định vô hình	227	12	22.029.531.092	20.268.957.058
Nguyên giá	228		33.100.933.672	30.339.868.672
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.071.402.580)	(10.070.911.614)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.022.253.728	289.213.906
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	13.022.253.728	289.213.906
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		25.397.960.563	31.776.024.064
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	3.378.415.740	5.839.102.147
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	22.019.544.823	25.936.921.917
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.472.040.508.287	2.245.543.207.111

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.422.318.486.560	1.412.088.715.100
Nợ ngắn hạn	310		1.403.431.002.848	1.377.861.855.972
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	313.174.345.331	479.526.147.585
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		108.174.426.424	116.471.108.093
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.790.422.110	12.682.396.343
Phải trả người lao động	314		18.097.259.395	12.869.887.553
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	136.366.566.728	103.193.076.785
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	46.621.742
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	3.590.791.032	7.808.487.358
Vay ngắn hạn	320	20	809.914.517.233	643.912.256.920
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	682.186.341
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	322.674.595	669.687.252
Nợ dài hạn	330		18.887.483.712	34.226.859.128
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	87.753.666
Phải trả dài hạn khác	337		267.375.000	126.800.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	15(a)	3.522.251.176	2.553.931.176
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	15.097.857.536	31.458.374.286

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.049.722.021.727	833.454.492.011
Vốn chủ sở hữu	410	23	1.049.722.021.727	833.454.492.011
Vốn cổ phần	411	24	811.944.630.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		811.944.630.000	500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.728.981.618	40.104.031.618
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		2.672.747.436	2.672.747.436
Quỹ đầu tư phát triển	418	26	53.713.907.299	153.708.537.299
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.747.124.438	28.869.664.876
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		13.263.845.925	17.366.785.315
- LNST năm nay	421b		20.483.278.513	11.502.879.561
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	23	107.914.630.936	108.099.510.782
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.472.040.508.287	2.245.543.207.111

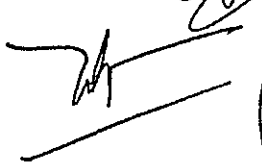
Người lập



Bùi Việt Hoàng

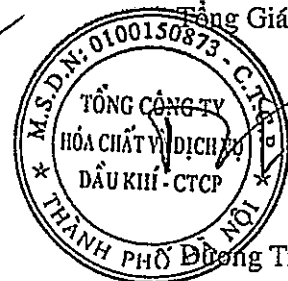
18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh

Trưởng Giám đốc



Đông Trí Hội

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	28	3.228.718.536.079	2.935.529.898.990
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	28	6.792.109.831	1.178.196.722
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	3.221.926.426.248	2.934.351.702.268
Giá vốn hàng bán	11	29	2.999.441.035.747	2.713.295.819.602
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		222.485.390.501	221.055.882.666
Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	28.887.546.376	19.004.936.009
Chi phí tài chính	22	31	18.902.081.260	26.396.530.703
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		4.169.707.516	2.724.010.679
Chi phí bán hàng	25	32	33.894.216.123	40.446.131.662
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	162.663.150.644	133.498.773.335
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		35.913.488.850	39.719.382.975
Thu nhập khác	31	34	22.701.106.428	951.462.034
Chi phí khác	32	35	4.058.596.562	1.937.870.373
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		18.642.509.866	(986.408.339)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		54.555.998.716	38.732.974.636
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	14.730.462.861	9.469.086.714
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		4.803.109.873	2.009.502.739
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		35.022.425.982	27.254.385.183

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 02 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

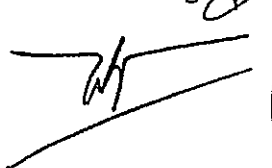
	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		35.022.425.982	27.254.385.183
Phân bổ cho:				
Cổ đông của Công ty mẹ	61		20.483.278.513	11.502.879.561
Cổ đông không kiểm soát	62		14.539.147.469	15.751.505.622
			Đã điều chỉnh lại	
Lãi trên cổ phiếu	70	38	250	77

Người lập

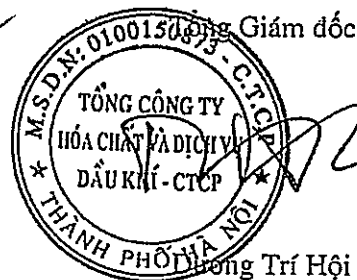

 Bùi Việt Hoàng

18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	54.555.998.716	38.732.974.636
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	21.188.250.975	22.891.454.855
Các khoản dự phòng	03	(13.524.531.495)	(3.637.034.697)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.395.106.605	7.041.241.258
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(20.992.868.955)	(16.845.927.066)
Chi phí lãi vay	06	4.169.707.516	2.724.010.679
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	54.791.663.362	50.906.719.665
Biến động các khoản phải thu	09	174.961.465.201	(366.498.334.756)
Biến động hàng tồn kho	10	39.413.786.809	(103.781.225.655)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(135.963.748.978)	274.863.989.418
Biến động chi phí trả trước	12	(3.653.595.180)	(4.486.766.469)
		129.549.571.214	(148.995.617.797)
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.341.209.206)	(10.999.819.037)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.956.684.719)	(9.524.715.986)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.000.000	2.944.314.600
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.045.724.323)	(9.269.890.898)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.207.952.966	(175.845.729.118)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.038.299.865)	(4.330.861.457)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	276.354.545	243.645.455
Tiền chi mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(328.300.000.000)	(303.755.764.900)
Tiền thu hồi từ bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	297.979.561.390	353.584.350.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	21.575.651.350	17.329.011.765
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(23.506.732.580)	63.070.380.863

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và bán lại cổ phiếu quỹ	31	211.574.950.000	39.683.568.638
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.225.212.470.457	881.728.621.683
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.066.895.458.718)	(752.158.994.251)
Tiền trả cổ tức	36	(23.228.799.228)	(30.548.143.901)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	346.663.162.511	138.705.052.169
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	421.364.382.897	25.929.703.914
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	228.243.900.597	202.784.591.515
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(123.467.267)	(470.394.832)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	649.484.816.227	228.243.900.597

Người lập



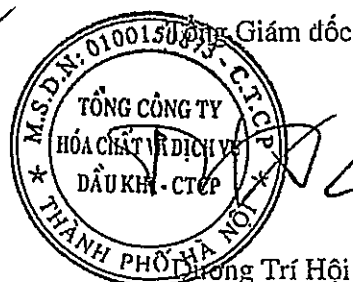
Bùi Việt Hoàng

18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh



Giám đốc

Trương Trí Hội

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP ("Tổng Công ty"), tiền thân là Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PVC theo Giấy phép Niêm yết số 11/GCN-TTGDHN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 11 năm 2007.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên doanh, liên kết.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần của Tổng Công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Nghiên cứu chuyên giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;
- Thu gom, xử lý, tái chế các loại phế liệu và chất thải ngành dầu khí;
- Xử lý môi trường và tư vấn chuyên giao công nghệ xử lý môi trường;
- Kinh doanh các hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành nghề kinh tế;
- Xuất nhập khẩu hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh vật liệu phục vụ ngành công nghiệp;
- Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiên liệu sinh học;
- Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan;
- Kinh doanh kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp và dân dụng, thiết bị và dụng cụ đo lường; và
- Kinh doanh vải, hàng may mặc và giày dép.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 6 công ty con và 1 công ty liên doanh (1/1/2023: 4 công ty con và 1 công ty liên doanh) được liệt kê như sau:

STT		Tại ngày 31/12/2023	
		Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
Công ty con			
1	Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam	51%	51%
2	Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	51%	51%
3	Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí	100%	100%
4	Công ty TNHH PVChem – Tech	100%	100%
5	Công ty TNHH Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp PVChem	100%	100%
6	Công ty TNHH PVChem-CS	100%	100%
Công ty liên doanh			
1	Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	38,61%	30%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, Tổng Công ty có 4 chi nhánh phụ thuộc như sau:

Tên chi nhánh	Mối liên hệ
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP - Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu Khí	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP - Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty DMC – Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan	Đơn vị phụ thuộc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và các công ty con có 380 nhân viên (1/1/2023: 368 nhân viên).

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Công ty liên doanh

Công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên doanh, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các công ty liên doanh cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên doanh phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên doanh mà Tổng Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên doanh, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên doanh.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên doanh được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên doanh.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ khác	4 – 9 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 27 đến 40 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê mặt bằng

Chi phí thuê trả trước là chi phí trả trước cho việc thuê mặt bằng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian còn lại từ thời điểm thuê đến hết thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong vòng 46 năm.

(ii) Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

*Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm, được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này.

(ii) Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2023

Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường là khoản dự phòng được trích lập theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 86”) của Bộ Tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động phục vụ trực tiếp cho hoạt động dầu khí và được sử dụng cho mục đích phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, với mức trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần phát sinh từ hoạt động dầu khí và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế phát sinh từ hoạt động dầu khí.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2023

Ngày 7 tháng 2 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC (“Thông tư 08”) bãi bỏ Thông tư 86 hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty và công ty con đã hoàn nhập Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường vào Thu nhập khác.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 do thay đổi trong các quy định pháp luật. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán mới này là làm tăng lợi nhuận trước thuế 18 tỷ VND.

(iii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và công ty con từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và các công ty con và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty và các công ty con chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng quỹ phòng, chống thiên tai

Dự phòng quỹ phòng, chống thiên tai được trích lập theo quy định tại Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 1 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ, áp dụng đối với đơn vị, tổ chức tại Việt Nam. Quỹ dự phòng này được sử dụng để phòng ngừa, khắc phục và hỗ trợ các hậu quả của thiên tai cho các địa phương chịu thiệt hại bởi thiên tai. Mức đóng góp bắt buộc từ các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn một năm là 0,02% trên tổng giá trị tài sản hiện có theo báo cáo tài chính lập ngày 31 tháng 12 hàng năm của tổ chức báo cáo cơ quan Thuế nhưng tối thiểu 500 nghìn đồng, tối đa 100 triệu đồng và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của năm kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

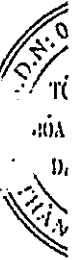
(o) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành cố tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong năm, Tổng Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý do Tổng Công ty và các công ty con chủ yếu thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

(u) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có thay đổi đáng kể nào trong ước tính kế toán được thực hiện kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm trước.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh, dựa trên các mặt hàng như sau như sau:

- Hóa phẩm dầu khí và dịch vụ liên quan
- Dung dịch khoan

	Hóa phẩm dầu khí và dịch vụ liên quan VND	Dung dịch khoan VND	Hợp nhất VND
Năm 2023			
Tổng doanh thu của bộ phận	3.036.448.650.696	185.477.775.552	3.221.926.426.248
Kết quả kinh doanh của bộ phận	160.793.469.291	61.691.921.210	222.485.390.501
Thu nhập không phân bổ			28.887.546.376
Chi phí không phân bổ			(215.459.448.027)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			35.913.488.850
Thu nhập khác			22.701.106.428
Chi phí khác			(4.058.596.562)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(19.533.572.734)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			35.022.425.982
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023			
Tài sản của bộ phận	2.147.722.054.979	324.318.453.308	2.472.040.508.287
Nợ phải trả của bộ phận	1.245.736.407.965	176.582.078.595	1.422.318.486.560
Năm 2023			
Chi tiêu vốn	17.797.897.458	-	17.797.897.458
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	17.176.588.184	3.011.171.825	20.187.760.009
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.000.490.966	-	1.000.490.966

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Hóa phẩm dầu khí và dịch vụ liên quan VND	Dung dịch khoan VND	Hợp nhất VND
Năm 2022			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.664.571.679.220	269.780.023.048	2.934.351.702.268
Kết quả kinh doanh của bộ phận	134.240.719.633	86.815.163.033	221.055.882.666
Thu nhập không phân bổ			19.004.936.009
Chi phí không phân bổ			(200.341.435.700)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			39.719.382.975
Thu nhập khác			951.462.034
Chi phí khác			(1.937.870.373)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(11.478.589.453)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			27.254.385.183

	Hóa phẩm dầu khí và dịch vụ liên quan VND	Dung dịch khoan VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022			
Tài sản của bộ phận	1.855.970.458.150	389.572.748.961	2.245.543.207.111
Nợ phải trả của bộ phận	1.190.430.323.808	221.658.391.292	1.412.088.715.100
Năm 2022			
Chi tiêu vốn	4.172.861.457	158.000.000	4.330.861.457
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	17.619.523.574	4.252.799.083	21.872.322.657
Khấu hao tài sản cố định vô hình	1.019.132.198	-	1.019.132.198

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	2.297.395.829	1.195.981.392
Tiền gửi ngân hàng	343.330.813.584	169.047.919.205
Các khoản tương đương tiền (i)	303.856.606.814	58.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	649.484.816.227	228.243.900.597

- (i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn không quá 3 tháng với lãi suất năm từ 2% đến 4,2% (1/1/2023: từ 4,3% đến 6%).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất năm từ 4,6% đến 9,8% (1/1/2023: từ 3,5% đến 9,8%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	31/12/2023 và 1/1/2023		Giá trị hợp lý VND
					Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	
Đầu tư góp vốn vào: <i>Công ty liên doanh, liên kết</i> Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS (i)	Lào	-	38,61%	30%	-	-	(*)

(i) Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên cơ sở đồng kiểm soát giữa phía Việt Nam bao gồm Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP và Công ty Cổ phần Mùa bán nợ Thế hệ mới, do Tổng Công ty làm đại diện và Công ty VTS Group tại Lào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023, Tổng Công ty nắm giữ 38,61% vốn góp và 30% quyền biểu quyết. Tại ngày báo cáo, Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS đã dừng hoạt động.

(*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty liên doanh, liên kết		
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	6.209.044.462	6.209.044.462
Công ty liên quan		
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	100.746.886.994	88.932.960.251
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước (Lô 05.1a)	32.008.217.388	2.013.114.081
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	23.140.643.936	43.236.213.914
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro (lô 09/1)	21.709.389.797	-
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (BL.15-1)	19.532.094.664	26.871.990.387
Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes	8.110.079.716	5.337.543.632
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	6.813.747.490	32.874.295.179
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	6.613.213.926	13.599.917.920
Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01 & 02 (Điều hành dầu khí)	3.378.558.000	5.072.095.160
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro - lô 09-3/12	75.816.000	11.884.457.091
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	-	6.663.300.414
Các công ty liên quan khác	23.410.235.504	13.428.680.742
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	727.082.868.024	619.268.720.585
Văn phòng Điều hành Công ty Premier Oil Việt Nam Offshore B.V. tại Thành phố Hồ Chí Minh	1.637.565.230	40.574.530.619
BGN International DMCC	-	122.558.603.589
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	44.904.829.041
Các khách hàng khác	79.726.385.666	131.464.432.303
	1.060.194.746.797	1.214.894.729.370

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	50.457.690.108	123.724.040.836
Tạm ứng	5.289.142.047	4.276.122.287
Phải thu lãi tiền gửi	3.144.716.185	3.974.427.169
Phải thu khác	53.161.869.006	7.897.895.977
	<hr/>	<hr/>
	112.053.417.346	139.872.486.269
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản ký quỹ, ký cược chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 2 đến 12 tháng, được đặt cọc tại ngân hàng để mở thư tín dụng để thanh toán mua hàng hóa.

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.226.988.707	3.268.576.535
Khác	4.812.659	4.812.659
	<hr/>	<hr/>
	3.231.801.366	3.273.389.194
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Nợ xấu và nợ khó đòi

Nợ quá hạn	31/12/2023			1/1/2023				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 102/10, 106/10)	trên 3 năm	1.305.575.110	(1.305.575.110)	-	trên 3 năm	1.305.575.110	(1.305.575.110)	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	trên 3 năm	14.980.318.934	(14.980.318.934)	-	trên 3 năm	14.980.318.934	(14.980.318.934)	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Phúc An	trên 3 năm	4.839.488.314	(4.839.488.314)	-	trên 3 năm	5.089.488.314	(5.089.488.314)	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Bao bì nhựa	trên 3 năm	2.838.995.257	(2.838.995.257)	-	trên 3 năm	2.838.995.257	(2.838.995.257)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	trên 3 năm	2.737.079.920	(2.737.079.920)	-	trên 3 năm	2.737.079.920	(2.737.079.920)	-
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	trên 3 năm	2.005.169.290	(2.005.169.290)	-	trên 3 năm	2.005.169.290	(2.005.169.290)	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	trên 3 năm	-	-	-	trên 3 năm	1.911.373.000	(1.911.373.000)	-
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Việt Nam	trên 3 năm	1.395.178.022	(1.395.178.022)	-	trên 3 năm	1.395.178.022	(1.395.178.022)	-
Công ty Cổ phần Minh Xuân	trên 3 năm	1.745.273.640	(1.745.273.640)	-	trên 3 năm	1.745.273.640	(1.745.273.640)	-
Công ty TNHH Trường Thịnh	trên 3 năm	1.782.116.825	(1.782.116.825)	-	trên 3 năm	1.782.116.825	(1.782.116.825)	-
Khác	trên 3 năm	3.757.954.430	(3.757.954.430)	-	trên 3 năm	4.136.734.907	(4.136.734.907)	-
Khác	từ 6 tháng đến 3 năm	64.720.000	(45.304.000)	19.416.000	từ 6 tháng đến 3 năm	192.440.600	(128.589.098)	63.851.502
		37.451.869.742	(37.432.453.742)	19.416.000		40.119.743.819	(40.055.892.317)	63.851.502
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn			(37.432.453.742)				(40.055.892.317)	

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của khoản dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	40.055.892.317	42.943.930.310
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 33)	(2.623.438.575)	(2.888.037.993)
Số dư cuối năm	37.432.453.742	40.055.892.317

10. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	8.200.520.249	-	28.622.812.914	-
Nguyên vật liệu	8.541.739.717	-	5.283.744.126	-
Công cụ và dụng cụ	1.837.704.140	-	1.232.669.138	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	40.206.644.096	-	23.871.838.732	-
Thành phẩm	5.286.569.734	-	1.492.624.997	-
Hàng hóa	250.608.919.063	(70.947.664.990)	271.961.670.880	(64.806.054.819)
Hàng gửi bán	74.662.188.311	-	96.292.711.332	-
	389.344.285.310	(70.947.664.990)	428.758.072.119	(64.806.054.819)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 83.064 triệu VND (1/1/2023: 107.428 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	64.806.054.819	68.030.486.472
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 29)	6.141.610.171	(3.224.431.653)
Số dư cuối năm	70.947.664.990	64.806.054.819

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	130.193.788.079	211.268.515.334	4.668.853.829	35.080.116.253	17.999.506.119	399.210.779.614
Tăng trong năm	265.280.000	518.461.000	30.363.636	1.489.688.000	-	2.303.792.636
Thanh lý	(167.477.555)	(237.000.000)	-	(3.223.703.203)	-	(3.628.180.758)
Giảm khác	-	-	-	(366.000.000)	-	(366.000.000)
Số dư cuối năm	130.291.590.524	211.549.976.334	4.699.217.465	32.980.101.050	17.999.506.119	397.520.391.492
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	80.424.761.693	152.826.435.301	3.115.207.297	32.523.179.845	4.387.316.844	273.276.900.980
Khấu hao trong năm	4.545.505.527	12.669.163.944	155.486.358	633.555.152	2.184.049.028	20.187.760.009
Thanh lý	(138.051.599)	(237.000.000)	-	(3.223.703.203)	-	(3.598.754.802)
Giảm khác	-	-	-	(366.000.000)	-	(366.000.000)
Số dư cuối năm	84.832.215.621	165.258.599.245	3.270.693.655	29.567.031.794	6.571.365.872	289.499.906.187
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	49.769.026.386	58.442.080.033	1.553.646.532	2.556.936.408	13.612.189.275	125.933.878.634
Số dư cuối năm	45.459.374.903	46.291.377.089	1.428.523.810	3.413.069.256	11.428.140.247	108.020.485.305

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 146.905 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 131.019 triệu VND).

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	27.590.746.610	2.749.122.062	30.339.868.672
Tăng trong năm	1.467.407	-	1.467.407
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 14)	2.759.597.593	-	2.759.597.593
Số dư cuối năm	30.351.811.610	2.749.122.062	33.100.933.672
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.608.608.589	2.462.303.025	10.070.911.614
Khấu hao trong năm	742.838.596	257.652.370	1.000.490.966
Số dư cuối năm	8.351.447.185	2.719.955.395	11.071.402.580
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.982.138.021	286.819.037	20.268.957.058
Số dư cuối năm	22.000.364.425	29.166.667	22.029.531.092

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 2.659 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 1.903 triệu VND).

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	289.213.906	-
Tăng trong năm	12.733.039.822	289.213.906
Số dư cuối năm	13.022.253.728	289.213.906
Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:		
	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Dự án đầu tư xây dựng xưởng sửa chữa và gia công cơ khí tại Nghi Sơn	8.309.568.250	289.213.906
Hệ thống đo độ đặc quánh xi măng, đo tốc độ ăn mòn tức thời	3.614.000.000	-
Dự án sản xuất PET chip tái chế từ chai nhựa PET phế liệu	1.098.685.478	-
	13.022.253.728	289.213.906

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê mặt bằng VND	Chi phí sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	2.759.597.593	870.584.364	2.208.920.190	5.839.102.147
Tăng trong năm	-	554.254.523	1.031.392.750	1.585.647.273
Phân bổ trong năm	-	(601.639.705)	(685.096.382)	(1.286.736.087)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(2.759.597.593)	-	-	(2.759.597.593)
Số dư cuối năm	-	823.199.182	2.555.216.558	3.378.415.740

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Dự phòng phải thu khó đòi	20%	85.381.630	121.137.726
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	9.081.132.324	10.511.806.392
Chi phí phải trả	20%	5.199.013.451	4.591.823.921
Các khoản dự phòng	20%	2.356.802.684	4.948.367.585
Doanh thu nhận trước	20%	5.036.914.439	5.445.936.797
Các khoản khác	20%	260.300.295	317.849.496
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		22.019.544.823	25.936.921.917
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Dự phòng đầu tư vào công ty con trích lập tại Tổng Công ty	20%	3.522.251.176	2.553.931.176

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	25.564.464.650	5.112.892.930	(3.578.570.789)	(715.714.158)
Lỗi tính thuế	20.185.595.841	4.037.119.168	18.413.443.034	3.682.688.607
	45.750.060.491	9.150.012.098	14.834.872.245	2.966.974.449

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2026	Đã quyết toán	3.688.348.201
2027	Đã quyết toán	1.592.499
2028	Chưa quyết toán	16.495.655.141
		<hr/>
		20.185.595.841
		<hr/>

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số chi phí lãi vay được khấu trừ trong kỳ sau VND
2028	13.276.687.205
	<hr/>

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

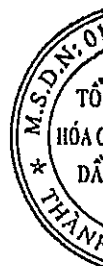
Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	40.870.490.767	60.072.966.993
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	27.258.450.810	240.692.727
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	10.409.638.795	6.952.913.990
Công ty Cảng dịch vụ Dầu khí - Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	393.888.812	1.063.689.679
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty kinh doanh sản phẩm khí	-	11.265.463.181
Các công ty liên quan khác	8.422.557.564	3.785.845.573
Các bên khác		
Công ty TNHH Thương mại Hóa chất Tổng hợp An Phát	45.555.372.342	24.335.696.990
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	14.814.085.410	61.394.244.240
Oilfield International Equipment & Supplies, Pte.	4.153.825.186	9.935.366.465
Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị Hải Anh	685.209.280	5.167.510.600
Abu Dhabi National Oil Company	-	118.695.869.853
Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh	-	37.450.000.000
Các nhà cung cấp khác	160.610.826.365	139.165.887.294
	313.174.345.331	479.526.147.585

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 105 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.365.986.454	144.637.733.404	(143.348.308.800)	4.655.411.058
Thuế nhập khẩu	-	7.020.264.161	(7.020.264.161)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.057.108.035	14.730.462.861	(16.956.684.719)	4.830.886.177
Thuế thu nhập cá nhân	2.049.533.556	16.201.039.934	(13.984.498.263)	4.266.075.227
Thuế nhà thầu	209.768.298	1.347.355.938	(1.653.965.176)	(96.840.940)
Thuế khác	-	1.433.378.979	(1.433.378.979)	-
	<u>12.682.396.343</u>	<u>185.370.235.277</u>	<u>(184.397.100.098)</u>	<u>13.655.531.522</u>
<i>Trong đó:</i>				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-			(134.890.588)
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	<u>12.682.396.343</u>			<u>13.790.422.110</u>

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay phải trả	27.501.476	20.771.705
Phí phải trả liên quan đến LC UPAS (*)	29.855.238.161	22.204.765.339
Chi phí phải trả về mua dịch vụ kỹ thuật	62.400.124.290	24.616.652.474
Chi phí phải trả về mua hàng hóa	11.080.392.528	27.462.815.034
Chiết khấu thương mại cho hàng bán	12.087.097.932	12.070.229.394
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	20.916.212.341	16.817.842.839
	136.366.566.728	103.193.076.785

(*) Đây là phí phải trả cho ngân hàng liên quan tới các thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (L/C UPAS) cho các hợp đồng bán hàng hóa của Công ty

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả cổ tức	1.402.008.716	1.397.931.734
Kinh phí công đoàn	265.777.284	241.422.096
Bảo hiểm xã hội	30.091.762	359.317
Các khoản phải trả khác	1.892.913.270	6.168.774.211
	3.590.791.032	7.808.487.358

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay ngắn hạn

	1/1/2023	Biến động trong năm	31/12/2023
Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	643.912.256.920	Tăng VND 1.225.212.470.457	Giảm VND (1.066.895.458.718)
Vay ngắn hạn			Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại VND 7.685.248.574
			Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND 809.914.517.233

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (*)	USD	265.029.686.130	147.747.607.350
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 3 (*)	USD	238.530.677.464	87.779.376.038
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB - Sở giao dịch (*)	USD	-	188.356.637.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (*)	VND	193.207.700.323	165.086.705.679
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 3	VND	65.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu (**)	VND	20.894.591.030	15.532.410.230
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long (*)	VND	14.965.460.412	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch (*)	VND	9.588.044.898	31.373.459.637
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Hai Bà Trưng (*)	VND	2.698.356.976	8.036.060.286
		809.914.517.233	643.912.256.920

(*) Các khoản vay ngắn hạn này được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng Công ty và các công ty con. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 150 đến 270 ngày và lãi suất vay được thỏa thuận theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay bằng VND có lãi suất năm từ 7% - 8,3% (1/1/2023; từ 5,8% - 11%). Các khoản vay bằng ngoại tệ có lãi suất năm từ 6,21% - 7% (1/1/2023; từ 2,79% - 6,27%).

(**) Khoản vay ngắn hạn này được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của công ty con. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản phát sinh từ hợp đồng vay theo hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng số 01/2022/DMC/HĐTC-QTS ngày 9 tháng 9 năm 2022 và được thực hiện theo hạn mức tín dụng là 40 tỷ VND. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng, thời gian cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 6 tháng. Lãi suất cho vay được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biên động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	669.687.252	2.277.982.083
Trích lập trong năm	6.811.420.666	4.400.084.227
Sử dụng trong năm	(7.158.433.323)	(6.008.379.058)
Số dư cuối năm	322.674.595	669.687.252

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả dài hạn

	Bảo hành (*) VND	Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (**) VND	Dự phòng trợ cấp thời việc VND	Dự phòng góp quỹ phòng chống thiên tai VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.483.551.585	16.807.989.171	13.166.833.530	-	31.458.374.286
Dự phòng lập trong năm	-	-	313.224.500	229.388.421	542.612.921
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(16.807.989.171)	(95.140.500)	-	(16.903.129.671)
Số dư cuối năm	1.483.551.585	-	13.384.917.530	229.388.421	15.097.857.536

(*) Chi phí bảo hành được trích lập theo điều khoản bảo hành trên từng hợp đồng cụ thể.

(**) Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường là khoản dự phòng được trích lập theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 86”) của Bộ Tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động phục vụ trực tiếp cho hoạt động dầu khí và được sử dụng cho mục đích phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, với mức trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần phát sinh từ hoạt động dầu khí và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế phát sinh từ hoạt động dầu khí. Ngày 7 tháng 2 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 86 hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty hoàn nhập Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường vào Thu nhập khác.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	500.000.000.000	18.965.245.000	(18.544.782.020)	2.672.747.436	153.708.537.299	33.014.895.454	111.663.128.811	801.479.771.980
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	11.502.879.561	15.751.505.622	27.254.385.183
Bán cổ phiếu quỹ	-	21.138.786.618	18.544.782.020	-	-	(11.500.000.000)	-	39.683.568.638
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(4.136.162.202)	(263.922.025)	(11.500.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(4.400.084.227)
Chia lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(19.051.201.626)	(19.051.201.626)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(11.947.937)	-	(11.947.937)
Số dư tại ngày 1/1/2023	500.000.000.000	40.104.031.618	-	2.672.747.436	153.708.537.299	28.869.664.876	108.099.510.782	833.454.492.011
Phát hành cổ phiếu (**)	211.950.000.000	(375.050.000)	-	-	-	-	-	211.574.950.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	20.483.278.513	14.539.147.469	35.022.425.982
Chia cổ tức (Thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(9.000.000.000)	-	(9.000.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(6.605.818.951)	(205.601.715)	(6.811.420.666)
Tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển	99.994.630.000	-	-	-	(99.994.630.000)	-	-	-
Chia lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(14.518.425.600)	(14.518.425.600)
Số dư tại ngày 31/12/2023	811.944.630.000	39.728.981.618	-	2.672.747.436	53.713.907.299	33.747.124.438	107.914.630.936	1.049.722.021.727

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong những năm trước, Tổng Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển cho các dự án với tổng số tiền là 114.220.785.134 VND theo các Nghị quyết:
- Nghị quyết số 2618/NQ-DMC ngày 11 tháng 12 năm 2012 sử dụng cho dự án Nhà máy Hóa phẩm Dầu khí Cái Mép với số tiền 24.888.000.000 VND;
 - Nghị quyết số 1196/NQ-DMC ngày 13 tháng 6 năm 2014 sử dụng cho dự án Căn cứ dịch vụ DMC tại Quảng Ngãi với số tiền 3.307.485.134 VND;
 - Nghị quyết số 850/NQ-DMC ngày 24 tháng 4 năm 2015 sử dụng để góp vốn vào Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam với số tiền 54.177.300.000 VND; và
 - Nghị quyết số 91/NQ-DMC ngày 15 tháng 1 năm 2016 sử dụng cho dự án đầu tư hệ thống thiết bị làm sạch bồn bể, kho chứa dầu ngoài khơi, tàu chở dầu với số tiền 31.848.000.000 VND.

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng thường niên năm 2023 số 766/NQ-PVChem ngày 26 tháng 6 năm 2023. Ngày 3 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết số 1246/NQ-PVChem của Hội đồng Quản trị thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (chuyển nguồn từ quỹ Đầu tư phát triển của Tổng Công ty) số tiền: 99.994.630.000 VND (số lượng 9.999.463 cổ phiếu cho 9.302 cổ đông).

- (**) Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 1449/2023/BC-PVChem ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành 21.195.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, 18.884.868 cổ phiếu đã được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:4,24. Số lượng 2.310.132 cổ phiếu còn lại được chào bán cho các đối tượng khác và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

24. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần của Tổng Công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2023		1/1/2023	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	292.313.800.000	36	179.996.190.000	36
Các cổ đông khác	519.630.830.000	64	320.003.810.000	64
	811.944.630.000	100	500.000.000.000	100

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	31.194.463	311.944.630.000	-	-
Số dư cuối năm	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000

25. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định chia khoản cổ tức bằng tiền trị giá 9.000 triệu VND (tương đương 180 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2022: 11.500 triệu VND, tương đương 230 VND trên một cổ phiếu).

26. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	9.869.665.060	7.465.964.260
Trong vòng hai đến năm năm	23.636.778.240	22.359.018.240
Sau năm năm	148.330.072.800	152.941.370.400
	181.836.516.100	182.766.352.900

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	4.824.366	116.169.764.649	161.973	3.746.718.137
Yên Nhật ("JPY")	23.433	4.482.002	25.611	4.898.594
Rúp Nga ("RUB")	4.505	1.156.884	-	-
		116.175.403.535		3.751.616.731

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
	Doanh nghiệp			
Qinhdao Chemical Co., Ltd	không còn tồn tại	2014	101.882.720	101.882.720
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khang Minh	Không có khả năng thu hồi	2019	3.202.956.149	3.202.956.149
Công ty TNHH Phúc Quang Hồng Anh	Đang làm thủ tục phá sản	2019	2.889.365.019	2.889.365.019
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	Không có khả năng thu hồi	2019	801.763.240	801.763.240
Công ty Cổ phần Hóa chất Nhựa Đà Nẵng	Không có khả năng thu hồi	2019	718.414.483	718.414.483
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Không có khả năng thu hồi	2019	544.708.695	544.708.695
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	Chi phí thu hồi lớn hơn giá trị thu hồi	2019	5.434.467	5.434.467
Công ty Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng	Chi phí thu hồi lớn hơn giá trị thu hồi	2015	78.440.000	78.440.000
Doanh nghiệp Tư nhân Hoàng Mỹ	Chi phí thu hồi lớn hơn giá trị thu hồi	2015	60.040.000	60.040.000
Công ty Cổ phần 565	Chi phí thu hồi lớn hơn giá trị thu hồi	2015	47.850.000	47.850.000
Yu Yee Engineering Pte Ltd.	Chi phí thu hồi lớn hơn giá trị thu hồi	2015	23.736.000	23.736.000
			8.474.590.773	8.474.590.773

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	2.642.508.479.109	2.490.969.015.373
▪ Cung cấp dịch vụ	586.210.056.970	444.560.883.617
	3.228.718.536.079	2.935.529.898.990
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(6.792.109.831)	(1.178.196.722)
	3.221.926.426.248	2.934.351.702.268

29. Giá vốn hàng bán

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn hàng bán	2.467.948.185.683	2.325.646.529.632
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	525.351.239.893	390.873.721.623
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 10)	6.141.610.171	(3.224.431.653)
	2.999.441.035.747	2.713.295.819.602

30. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	20.745.940.366	16.809.564.877
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.246.213.298	2.194.421.922
Doanh thu hoạt động tài chính khác	895.392.712	949.210
	28.887.546.376	19.004.936.009

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)****Mẫu B 09 - DN/HN***Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Chi phí tài chính**

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	4.169.707.516	2.724.010.679
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.119.963.439	14.110.283.965
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.395.106.605	7.041.241.258
Chi phí tài chính khác	3.217.303.700	2.520.994.801
	<hr/> 18.902.081.260	<hr/> 26.396.530.703

32. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	6.674.063.797	6.284.761.811
Chi phí khấu hao	792.866.623	768.081.313
Chi phí vận chuyển	3.274.301.341	7.998.624.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.823.496.684	11.426.669.661
Chi phí bán hàng khác	10.329.487.678	13.967.993.988
	<hr/> 33.894.216.123	<hr/> 40.446.131.662

33. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	80.844.875.634	63.471.663.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.410.886.590	4.610.156.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.354.387.439	31.161.564.545
Chi phí thuê nhà	5.859.523.852	9.786.117.585
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 9)	(2.623.438.575)	(2.888.037.993)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	33.816.915.704	27.357.309.509
	<hr/> 162.663.150.644	<hr/> 133.498.773.335

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Lãi thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	246.928.589	36.362.189
Tiền phạt, bồi thường thu được	165.212.337	253.643.179
Hoàn nhập quỹ dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường (Thuyết minh 22)	16.807.989.171	-
Các khoản khác	5.480.976.331	661.456.666
	22.701.106.428	951.462.034

35. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Các khoản bị phạt	1.202.404.374	723.410.440
Các khoản khác	2.856.192.188	1.214.459.933
	4.058.596.562	1.937.870.373

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nguyên vật liệu	31.742.406.241	27.569.717.343
Chi phí nhân viên	142.589.198.874	117.242.224.866
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.188.250.975	22.891.454.855
Chi phí dịch vụ mua ngoài	617.422.143.936	435.991.267.998
Chi phí khác	210.475.568.552	89.639.455.720

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2023 VND	2022 VND
Chi phí thuế hiện hành Năm hiện hành	14.730.462.861	9.469.086.714
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh các chênh lệch tạm thời	4.803.109.873	2.009.502.739
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>19.533.572.734</u>	<u>11.478.589.453</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	54.555.998.716	38.732.974.636
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	10.911.199.744	7.746.594.927
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.439.335.341	1.488.385.455
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	6.183.037.649	2.243.609.071
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>19.533.572.734</u>	<u>11.478.589.453</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2023	2022 (điều chỉnh lại)	2022 (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	20.483.278.513	11.502.879.561	11.502.879.561
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	(4.100.000.000)	(6.605.818.951)	(2.500.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	16.383.278.513	4.897.060.610	9.002.879.561
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm (số cổ phiếu)	65.431.971	63.816.867	49.866.266
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	250	77	181

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty ước tính số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận mà Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt ngày 26 tháng 6 năm 2023 và tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2023	2022 (điều chỉnh lại)	2022 (theo báo cáo trước đây)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ Tổng Công ty đang nắm giữ đầu năm	-	(2.500.000)	(2.500.000)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ bán lại trong năm	-	2.366.266	2.366.266
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành từ Quỹ đầu tư phát triển	9.999.463	9.999.463	-
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành cho cổ đông hiện hữu trong năm	5.432.508	3.951.138	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	65.431.971	63.816.867	49.866.266

(c) Điều chỉnh lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận của năm 2022. Theo đó, Tổng Công ty và các công ty con đã phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế với số tiền 6.605.818.951 VND. Số này đang khác với số ước tính đã được Ban Tổng Giám đốc sử dụng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm 2022. Vì vậy, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh lại để phản ánh sự thay đổi này.

Bên cạnh đó, trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty đã phát hành thêm 9.999.463 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển. Đồng thời, Tổng Công ty đã phát hành 21.195.000 cổ phiếu ra công chúng với giá 10.000 VND/cổ phiếu, thấp hơn giá thị trường của cổ phiếu đang lưu hành. Do đó, đây được coi là có yếu tố thường trong việc phát hành cổ phiếu. Theo đó, số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được điều chỉnh lại để tính toán lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Bảng so sánh lãi cơ bản trên cổ phiếu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

	2022 (điều chỉnh lại)	2022 (theo báo cáo trước đây)
	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	77	181

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>		
Trả cổ tức	3.239.931.420	4.139.912.370
Bán hàng hóa và dịch vụ	14.989.537.484	2.178.849.838
Mua hàng hóa và dịch vụ	517.132.635	100.053.190
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	3.094.920.790	371.767.550
<i>Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	59.962.068.245	99.193.960.330
Mua hàng hóa và dịch vụ	194.717.114.763	472.417.349.915
<i>Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	446.865.260
<i>Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	14.127.649.740	8.007.314.390
<i>Viện Dầu khí Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.182.815.080	8.121.142.535
<i>Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí – Chi nhánh</i> <i>Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.977.309.811	11.214.352.234
<i>Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	344.068.000	2.752.813.000
<i>Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	490.413.284.933	184.907.721.138
<i>Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam</i>		
Lãi tiền gửi	7.404.298.089	7.912.320.045
Lãi vay	-	277.306.048

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	9.455.662.227	-
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí</i> Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	9.359.431.141 -	4.014.233.220 7.580.179.620
<i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro</i> Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	302.009.816.737 2.096.956.528	249.167.363.419 2.099.715.514
<i>Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	45.678.391.450	61.713.271.358
<i>Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01 & 02 (Điều hành Dầu khí)</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	44.383.540.000	34.915.953.442
<i>Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	1.645.818.786	3.501.132.076
<i>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước - Lô 05.1a</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	60.071.932.726	4.193.558.550
<i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro - Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí lô 09 - 3/12</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	61.056.942.506	31.168.452.775
<i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro - Hợp đồng chia sản phẩm dầu khí lô 16-1/15</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	37.421.800.634	34.793.370.238
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí - Xí nghiệp Dịch vụ Đầu tư Khoan Dầu khí</i> Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	1.410.533.300 2.179.870.000	5.768.677.700 -
<i>Công ty Cổ phần Bảo dưỡng Công trình Dầu khí</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	-	38.640.000

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	23.124.000	1.703.732.450
<i>Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (BL.15-1)</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	79.330.680.210	55.439.423.784
<i>Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam – Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	11.118.492.022	13.937.206.787
<i>Công ty TNHH Liên doanh Kỹ thuật Giếng khoan PV Drilling và Baker Hughes</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	24.728.493.740	9.257.213.680
<i>Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Khảo Sát Và Công Trình Ngầm PTSC</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	453.600.000	1.979.413.750
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	67.713.522.296	6.526.616.100
		222.863.636
<i>Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	765.300.000	2.504.000.000
<i>Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần</i> Mua hàng hóa, dịch vụ	609.840.000	726.000.000
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí</i> Mua hàng hóa, dịch vụ	36.515.427.586	54.226.536.774
<i>Chi nhánh Khí Hải Phòng - Tổng Công ty Khí Việt Nam</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	1.397.920.239	1.739.676.327
<i>Chi nhánh Kinh doanh LNG - Tổng Công ty Khí Việt Nam</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	3.104.000.000

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<i>KNOC - Văn phòng điều hành tại TP. Hồ Chí Minh</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	656.600.000
<i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro - Hợp đồng Dầu khí Lô 04-3</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	1.140.081.630	24.920.000
<i>Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Tàu</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1.928.234.687
<i>Công ty Cổ phần xăng dầu dầu khí Vũng Tàu</i> Mua hàng hóa, dịch vụ	2.284.289.713	-
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	1.881.481.482
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khí</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	4.496.483.545	12.727.487.104
<i>Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	4.139.284.840	4.778.200.000

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
 Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Lương, thưởng và các giao dịch khác của nhân sự quản lý chủ chốt

		2023 VND	2022 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị			
<i>Thù lao và thưởng</i>			
Ông Trương Đại Nghĩa	Chủ tịch	1.137.350.000	979.110.000
Ông Trần Hồng Kiên	Ủy viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	911.012.000	762.300.000
Ông Hà Duy Tân	Ủy viên chuyên trách kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	947.600.000	815.760.000
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ủy viên chuyên trách kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	947.600.000	815.760.000
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>			
Ông Phan Công Thành	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 25/1/2024)	993.364.955	957.398.400
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc			
<i>Tiền lương và thưởng</i>			
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	853.626.545	853.783.855
Ông Phạm Ngọc Khuê	Phó Tổng Giám đốc	853.626.545	853.783.855
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23/11/2023)	818.861.236	853.783.855
Ông Vũ An	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/12/2023)	27.846.000	-

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2023 VND	2022 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	300.000.000	284.000.000
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	190.000.000	170.000.000

41. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

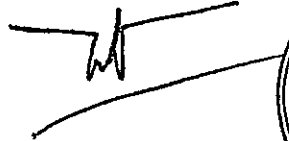
Người lập



Bùi Việt Hoàng

18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh

Tổng Giám đốc



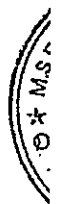
Lương Trí Hội





Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2023



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập Quyết định số 1544/QĐ-TCCB do Bộ Công Thương ban hành ngày 28 tháng 4 năm 2005.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 0103009579 ngày 18 tháng 10 năm 2005

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150873 ngày 30 tháng 1 năm 2024

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh Doanh số 0103009579 đã được thay thế bởi Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150873. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100150873 thay đổi lần thứ 27 ngày 30 tháng 1 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Đại Nghĩa	Chủ tịch
Ông Trần Hồng Kiên	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ủy viên
Ông Hà Duy Tân	Ủy viên
Ông Phan Công Thành	Ủy viên (đến ngày 25/1/2024)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Dương Trí Hội	Tổng Giám đốc (từ ngày 25/1/2024)
Ông Phan Công Thành	Tổng Giám đốc (đến ngày 25/1/2024)
Ông Phạm Ngọc Khuê	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ An	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/12/2023)
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23/11/2023)

Ủy ban Kiểm toán

Ông Trần Hồng Kiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Hà Duy Tân	Thành viên

Trụ sở đăng ký Tầng 6, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam,
Số 167, Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa,
Quận Cầu Giấy, Hà Nội,
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam


Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

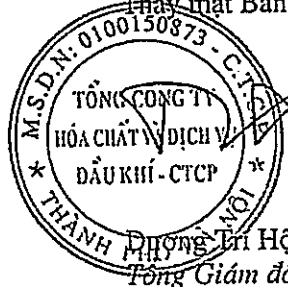
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc 



Đương Trí Hội
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18-03-2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 18-03-2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-02-00214-24-1



Đoàn Thanh Toàn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2024

Phạm Thị Thùy Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.470.316.387.811	1.377.027.212.878
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	191.725.672.290	113.690.656.510
Tiền	111		181.725.672.290	93.690.656.510
Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	20.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		133.600.000.000	89.600.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	133.600.000.000	89.600.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.027.253.440.663	1.099.173.022.059
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	930.418.956.384	1.000.374.868.214
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.356.193.939	16.986.179.774
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	105.400.285.116	115.713.328.640
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(31.921.994.776)	(33.901.354.569)
Hàng tồn kho	140	9	103.388.907.229	70.614.397.563
Hàng tồn kho	141		127.360.134.619	79.525.845.199
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(23.971.227.390)	(8.911.447.636)
Tài sản ngắn hạn khác	150		14.348.367.629	3.949.136.746
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12(a)	6.751.565.546	146.591.208
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.596.802.083	3.802.545.538

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		562.934.242.570	328.178.021.685
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.472.038.271	2.638.695.759
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	2.472.038.271	2.638.695.759
Tài sản cố định	220		105.923.384.172	119.368.230.416
Tài sản cố định hữu hình	221	10	86.674.084.747	99.386.092.395
<i>Nguyên giá</i>	222		268.124.086.389	270.378.664.792
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(181.450.001.642)	(170.992.572.397)
Tài sản cố định vô hình	227	11	19.249.299.425	19.982.138.021
<i>Nguyên giá</i>	228		29.093.071.492	29.093.071.492
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(9.843.772.067)	(9.110.933.471)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.098.685.478	289.213.906
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.098.685.478	289.213.906
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	450.896.700.006	203.738.300.006
Đầu tư vào công ty con	251		455.738.300.006	203.738.300.006
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		12.769.655.880	12.769.655.880
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(17.611.255.880)	(12.769.655.880)
Tài sản dài hạn khác	260		2.543.434.643	2.143.581.598
Chi phí trả trước dài hạn	261	12(b)	2.543.434.643	2.143.581.598
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2.033.250.630.381	1.705.205.234.563

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.124.880.110.064	1.003.410.634.926
Nợ ngắn hạn	310		1.121.566.265.949	996.606.344.901
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	238.892.749.990	332.344.506.195
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.927.239.972	14.175.078.908
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	5.012.569.701	2.689.118.478
Phải trả người lao động	314		9.019.148.740	8.376.799.825
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	79.472.604.633	47.127.677.565
Phải trả ngắn hạn khác	319	16	6.320.661.921	2.764.855.033
Vay ngắn hạn	320	17	776.733.524.329	588.970.326.767
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	18	187.766.663	157.982.130
Nợ dài hạn	330		3.313.844.115	6.804.290.025
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	87.753.666
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	3.313.844.115	6.716.536.359
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		908.370.520.317	701.794.599.637
Vốn chủ sở hữu	410	20	908.370.520.317	701.794.599.637
Vốn cổ phần	411	21	811.944.630.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		811.944.630.000	500.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		39.728.981.618	40.104.031.618
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	50.690.540.088	150.685.170.088
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.006.368.611	11.005.397.931
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.397.931	298.325.078
- LNST năm nay	421b		6.000.970.680	10.707.072.853
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2.033.250.630.381	1.705.205.234.563

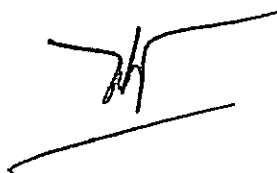
Người lập



Đào Thị Đức Hạnh

18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh

Tổng Giám đốc



Dương Trí Hội

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.202.500.792.513	1.963.766.132.777
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	481.301.907
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	2.202.500.792.513	1.963.284.830.870
Giá vốn hàng bán	11	26	2.153.858.530.641	1.881.016.671.838
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		48.642.261.872	82.268.159.032
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	62.401.778.135	43.215.730.633
Chi phí tài chính	22	28	20.087.033.057	21.743.585.912
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.414.702.849	1.237.079.692
Chi phí bán hàng	25	29	24.849.392.771	33.688.130.725
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	63.734.049.584	58.815.284.393
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		2.373.564.595	11.236.888.635
Thu nhập khác	31	31	6.577.520.485	1.690.779.210
Chi phí khác	32	32	2.950.114.400	2.220.594.992
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		3.627.406.085	(529.815.782)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.000.970.680	10.707.072.853
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		6.000.970.680	10.707.072.853

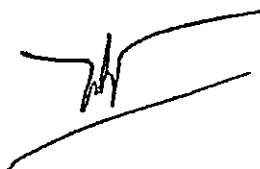
Người lập



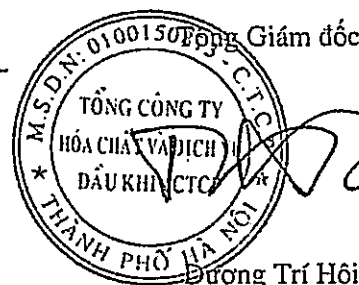
Đào Thị Đức Hạnh

18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh



Dương Trí Hội

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	6.000.970.680	10.707.072.853
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	14.391.247.699	15.033.231.516
Các khoản dự phòng	03	14.519.327.717	(3.420.452.157)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	9.371.600.995	6.308.288.678
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(55.274.681.682)	(42.174.546.812)
Chi phí lãi vay	06	1.414.702.849	1.237.079.692
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(9.576.831.742)	(12.309.326.230)
Biến động các khoản phải thu	09	75.258.249.551	(439.042.547.799)
Biến động hàng tồn kho	10	(47.834.289.420)	(29.170.363.151)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(62.047.627.576)	264.647.032.729
Biến động chi phí trả trước	12	(7.004.827.383)	3.681.451.931
		(51.205.326.570)	(212.193.752.520)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.572.680.710)	(9.513.633.797)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	2.000.000	2.944.314.600
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.967.215.467)	(6.916.468.527)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(57.743.222.747)	(225.679.540.244)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.317.754.076)	(194.858.196)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	194.081.818	4.736.364
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(296.500.000.000)	(265.351.414.900)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	275.000.000.000	299.600.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(252.000.000.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức, lợi nhuận được chia	27	27.577.939.384	32.983.911.338
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(247.045.732.874)	67.042.374.606

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu và bán lại cổ phiếu quỹ	31	211.574.950.000	39.683.568.638
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.104.296.246.579	764.319.832.925
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(924.218.297.591)	(663.192.135.646)
Tiền trả cổ tức	36	(8.710.373.628)	(11.496.942.275)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	382.942.525.360	129.314.323.642
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	78.153.569.739	(29.322.841.996)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	113.690.656.510	143.013.047.167
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(118.553.959)	451.339
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	191.725.672.290	113.690.656.510

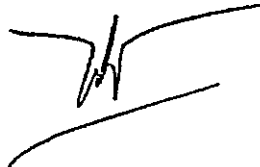
Người lập



Đào Thị Đức Hạnh

18-03-2024

Kế toán trưởng



Trần Văn Trinh



Giám đốc

Dương Trí Hội

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (“Tổng Công ty”), tiền thân là Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 1544/QĐ-TCCB ngày 28 tháng 4 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí, một doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là PVC theo Giấy phép Niêm yết số 11/GCN-TTGDHN do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 9 tháng 11 năm 2007.

(b) Hoạt động chính

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần của Tổng Công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng Công ty là:

- Nghiên cứu chuyên giao công nghệ, cung cấp dịch vụ dung dịch khoan, dịch vụ hoàn thiện và sửa chữa giếng khoan dầu khí, xử lý vùng cận đáy giếng, tăng cường thu hồi dầu và các dịch vụ kỹ thuật dầu khí khác;
- Thu gom, xử lý, tái chế các loại phế liệu và chất thải ngành dầu khí;
- Xử lý môi trường và tư vấn chuyên giao công nghệ xử lý môi trường;
- Kinh doanh các hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn chứa, chế biến dầu khí và các ngành nghề kinh tế;
- Xuất nhập khẩu hóa chất (trừ loại Nhà nước cấm), hóa phẩm, thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho ngành công nghiệp dầu khí, phục vụ xử lý, chống ô nhiễm môi trường và các ngành công nghiệp khác;
- Kinh doanh vật liệu phục vụ ngành công nghiệp;
- Kinh doanh khí đốt và các sản phẩm từ khí đốt, nhiều liệu sinh học;
- Kinh doanh phụ gia cho dung dịch khoan;
- Kinh doanh kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp và dân dụng, thiết bị và dụng cụ đo lường; và
- Kinh doanh vải, hàng may mặc và giày dép.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 6 công ty con và 1 công ty liên doanh (1/1/2023: 4 công ty con và 1 công ty liên doanh) được liệt kê trong Thuyết minh 5(b).

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm:

Tên chi nhánh	Mối liên hệ
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP – Chi nhánh Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP – Chi nhánh Dịch vụ Hóa chất Dầu Khí	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty Hoá chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP - Trung tâm Nghiên cứu Ứng dụng và Dịch vụ Kỹ thuật	Đơn vị phụ thuộc
Chi nhánh Tổng Công ty DMC – Công ty Dung dịch Khoan và Dịch vụ Giếng khoan	Đơn vị phụ thuộc

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tổng Công ty có 132 nhân viên (1/1/2023: 137 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

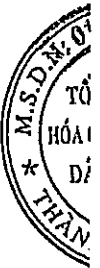
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tổng Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc, thiết bị	3 – 20 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ khác	4 – 5 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thể hiện quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 27 đến 40 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

(h) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí sửa chữa văn phòng

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí cải tạo văn phòng, trang bị và thay thế nội thất. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các thuyết minh khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm, được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này.

(ii) Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2023

Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường là khoản dự phòng được trích lập theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 (“Thông tư 86”) của Bộ Tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động phục vụ trực tiếp cho hoạt động dầu khí và được sử dụng cho mục đích phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, với mức trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần phát sinh từ hoạt động dầu khí và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế phát sinh từ hoạt động dầu khí.

Sau ngày 1 tháng 1 năm 2023

Ngày 7 tháng 2 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC (“Thông tư 08”) bãi bỏ Thông tư 86 hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty hoàn nhập Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường vào Thu nhập khác.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 do thay đổi trong các quy định pháp luật. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm kết thúc cùng ngày, sự thay đổi này đã làm cho thu nhập khác và lợi nhuận trước thuế cùng tăng 3.307.551.744 VND, lợi nhuận sau thuế tăng 2.646.041.395 VND.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

(iii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tổng Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tổng Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(k) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của năm kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Thuê tài sản

Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty trong năm trước.

(r) Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hàng năm, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, không có thay đổi đáng kể nào trong ước tính kế toán được thực hiện kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm trước.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	558.147.392	573.794.933
Tiền gửi ngân hàng	181.167.524.898	93.116.861.577
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	20.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	191.725.672.290	113.690.656.510

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước với lãi suất từ 4,6% đến 9,8%/năm (1/1/2023: từ 3,5% đến 9,6%/năm). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có quyết định số 596/QĐ-SGDHN ngày 8 tháng 6 năm 2023 về việc chấp thuận cho DMC – Miền Nam được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCOM mã chứng khoán DMS, số lượng chứng khoán giao dịch 4 triệu cổ phiếu, phiên giao dịch đầu tiên ngày 15 tháng 6 năm 2023.
- (ii) Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp PVChem được thành lập ngày 26 tháng 6 năm 2023, có trụ sở tại Thành phố Hà Nội. Ngành nghề kinh doanh chính là sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị, công trình dầu khí, nhà máy lọc hóa dầu, nhà máy sản xuất điện, nhà máy sản xuất đạm, nhà máy sản xuất khí. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp PVChem chưa đi vào hoạt động.
- (iii) Công ty TNHH Dịch vụ hóa chất Dầu Khí được thành lập ngày 9 tháng 5 năm 2023, có trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn hóa chất công nghiệp; kinh doanh các hóa chất, hóa phẩm, nguyên vật liệu và các thiết bị phục vụ tìm kiếm, thăm dò, khai thác, vận chuyển, tồn trữ, chế biến dầu khí. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty TNHH Dịch vụ hóa chất Dầu Khí chưa đi vào hoạt động.
- (iv) Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS được thành lập tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trên cơ sở đồng kiểm soát giữa phía Việt Nam bao gồm Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP và Công ty Cổ phần Mua bán nợ Thế hệ mới, do Tổng Công ty làm đại diện và Công ty VTS Group tại Lào. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023, Tổng Công ty nắm giữ 38,61% vốn góp và 30% quyền biểu quyết. Tại ngày báo cáo, Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS đã dừng hoạt động.
- (*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chưa được thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Biến động của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	12.769.655.880	12.769.655.880
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 28)	4.841.600.000	-
Số dư cuối năm	17.611.255.880	12.769.655.880

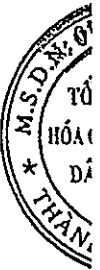
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty con		
Công ty TNHH Dung dịch Khoan và Dịch vụ Dầu khí	51.159.405	8.472.813.356
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	22.235.200	-
Công ty TNHH Dịch vụ Dầu khí M-I Việt Nam	2.352.000	206.530.500
Công ty liên quan khác		
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	95.863.536.453	87.145.562.264
Công ty Cổ Phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	23.140.643.936	39.463.097.714
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (BL. 15-1)	18.359.575.872	25.742.428.755
Công ty Cổ phần bảo dưỡng và sửa chữa công trình dầu khí	9.605.062.248	4.335.371.878
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	6.209.044.462	6.209.044.462
Công ty TNHH - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	6.813.747.490	-
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	3.101.856.660	1.269.157.208
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	2.737.079.920	2.737.079.920
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước - Lô 05.1a	1.878.140.396	2.013.114.081
Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Việt Nam	1.395.178.022	1.395.178.022
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 102/10, 106/10)	1.305.575.110	1.305.575.110
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	611.213.122	1.116.248.412
Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro	174.577.920	2.368.417.920
Các công ty liên quan khác	7.655.391.099	1.137.115.920
Các bên khác		
Công ty Cổ phần Stavian Hóa chất	727.082.868.024	619.268.720.585
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	11.075.425.862	6.677.738.897
BGN International DMCC	-	122.558.603.589
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	44.904.829.041
Các khách hàng khác	13.334.293.183	22.048.240.580
	930.418.956.384	1.000.374.868.214

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn (*)	33.499.403.024	101.267.424.973
Phải thu lãi tiền gửi	2.761.508.152	2.878.084.042
Phải thu về lợi nhuận được chia	22.500.000.000	5.109.254.213
Tạm ứng	1.861.024.444	2.323.222.815
Phải thu khác	44.778.349.496	4.135.342.597
	105.400.285.116	115.713.328.640

(*) Khoản ký quỹ, ký cược chủ yếu bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng kỳ hạn từ 2 đến 12 tháng, được đặt cọc tại ngân hàng để mở thư tín dụng để thanh toán mua hàng hóa.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.467.225.612	2.633.883.100
Khác	4.812.659	4.812.659
	2.472.038.271	2.638.695.759

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

Nợ quá hạn	31/12/2023			1/1/2023				
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Tổng Công ty Thẩm dò Khai thác Dầu khí (L6 102/10, 106/10)	trên 3 năm	1.305.575.110	(1.305.575.110)	-	trên 3 năm	1.305.575.110	(1.305.575.110)	-
Công ty TNHH Liên doanh DMC-VTS	trên 3 năm	14.980.318.934	(14.980.318.934)	-	trên 3 năm	14.980.318.934	(14.980.318.934)	-
Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu Bao bì nhựa	trên 3 năm	2.838.995.257	(2.838.995.257)	-	trên 3 năm	2.838.995.257	(2.838.995.257)	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	trên 3 năm	2.737.079.920	(2.737.079.920)	-	trên 3 năm	2.737.079.920	(2.737.079.920)	-
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	trên 3 năm	2.005.169.290	(2.005.169.290)	-	trên 3 năm	2.005.169.290	(2.005.169.290)	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Công ty Cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Việt Nam	trên 3 năm	1.395.178.022	(1.395.178.022)	-	trên 3 năm	1.395.178.022	(1.395.178.022)	-
Công ty Cổ phần Minh Xuân	trên 3 năm	1.745.273.640	(1.745.273.640)	-	trên 3 năm	1.745.273.640	(1.745.273.640)	-
Công ty TNHH Trường Thịnh	trên 3 năm	1.782.116.825	(1.782.116.825)	-	trên 3 năm	1.782.116.825	(1.782.116.825)	-
Khác	trên 3 năm	3.086.983.778	(3.086.983.778)	-	trên 3 năm	3.086.983.778	(3.086.983.778)	-
Khác	từ 6 tháng đến 3 năm	64.720.000	(45.304.000)	19.416.000	từ 6 tháng đến 3 năm	161.843.990	(113.290.793)	48.553.197
		31.941.410.776	(31.921.994.776)	19.416.000		33.949.907.766	(33.901.354.569)	48.553.197

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi - ngắn hạn

(31.921.994.776)

(33.901.354.569)

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của khoản dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	33.901.354.569	36.654.690.867
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 30)	(1.979.359.793)	(2.753.336.298)
Số dư cuối năm	31.921.994.776	33.901.354.569

9. Hàng tồn kho

	31/12/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	4.099.669.649	-	20.418.044.400	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	23.837.256.062	-	6.898.600.556	-
Hàng hóa	99.423.208.908	(23.971.227.390)	52.209.200.243	(8.911.447.636)
	127.360.134.619	(23.971.227.390)	79.525.845.199	(8.911.447.636)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có 23.971 triệu VND (1/1/2023: 8.911 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

Biến động của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	8.911.447.636	9.578.563.495
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 26)	15.059.779.754	(667.115.859)
Số dư cuối năm	23.971.227.390	8.911.447.636

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	105.122.163.416	137.377.940.631	3.364.528.711	24.473.032.034	41.000.000	270.378.664.792
Tăng trong năm	-	170.000.000	-	776.401.455	-	946.401.455
Thanh lý	(100.218.335)	(237.000.000)	-	(2.497.761.523)	-	(2.834.979.858)
Giảm khác	-	-	-	(366.000.000)	-	(366.000.000)
Số dư cuối năm	105.021.945.081	137.310.940.631	3.364.528.711	22.385.671.966	41.000.000	268.124.086.389
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	58.255.124.980	87.026.712.690	2.112.697.912	23.564.297.219	33.739.596	170.992.572.397
Khấu hao trong năm	3.453.924.331	9.812.253.837	65.677.996	319.292.535	7.260.404	13.658.409.103
Thanh lý	(100.218.335)	(237.000.000)	-	(2.497.761.523)	-	(2.834.979.858)
Giảm khác	-	-	-	(366.000.000)	-	(366.000.000)
Số dư cuối năm	61.608.830.976	96.601.966.527	2.178.375.908	21.019.828.231	41.000.000	181.450.001.642
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	46.867.038.436	50.351.227.941	1.251.830.799	908.734.815	7.260.404	99.386.092.395
Số dư cuối năm	43.413.114.105	40.708.974.104	1.186.152.803	1.365.843.735	-	86.674.084.747

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 58.523 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 60.010 triệu VND).

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	27.590.746.610	1.502.324.882	29.093.071.492
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.608.608.589	1.502.324.882	9.110.933.471
Khấu hao trong năm	732.838.596	-	732.838.596
Số dư cuối năm	8.341.447.185	1.502.324.882	9.843.772.067
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.982.138.021	-	19.982.138.021
Số dư cuối năm	19.249.299.425	-	19.249.299.425

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản với nguyên giá 1.502 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 1.502 triệu VND).

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí trả trước****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước phí bảo hiểm	63.432.450	88.359.524
Trả trước chi phí đi vay	1.595.616.438	-
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	4.385.676.439	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	706.840.219	58.231.684
	6.751.565.546	146.591.208

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	241.790.296	1.901.791.302	2.143.581.598
Tăng trong năm	-	1.014.938.203	1.014.938.203
Phân bổ trong năm	(138.165.883)	(476.919.275)	(615.085.158)
	103.624.413	2.439.810.230	2.543.434.643

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	296.511.884
Công ty con		
Công ty TNHH PVChem - Tech	25.260.751.124	13.458.249.087
Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu khí	19.535.695.653	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	13.868.193	34.320.000
Công ty liên quan khác		
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	40.870.490.767	60.072.966.993
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	27.258.450.810	240.692.727
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	10.409.638.795	6.952.913.990
Trường cao đẳng Dầu khí	4.083.767.280	-
Viện Dầu khí Việt Nam	1.557.409.091	2.025.678.458
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	201.550.216	480.852.476
Các công ty liên quan khác	965.326.672	657.010.266
Các bên khác		
Công ty TNHH Xây lắp và Dịch vụ Thương mại Huthaco	21.776.018.115	4.930.850.057
Công ty Cổ phần Hóa chất và dịch vụ Ngân Hải	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Lâm Gia Phúc	15.206.550.548	7.933.386.955
Công ty Cổ phần Hoá chất Việt Trì	14.814.085.410	61.394.244.240
Công ty Cổ phần Gia Quảng Phát	5.209.448.850	-
ChampionX SG Service Pte Ltd	5.001.392.801	7.972.635.019
Abu Dhabi National Oil Company	-	118.695.869.853
Halliburton International Inc	-	8.832.784.609
Các nhà cung cấp khác	26.728.305.665	38.365.539.581
	238.892.749.990	332.344.506.195

Khoản phải trả người bán là các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 105 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	1/1/2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2023 VND
Thuế giá trị gia tăng	1.398.601.950	107.943.916.654	(105.362.345.501)	3.980.173.103
Thuế nhập khẩu	-	403.471.998	(403.471.998)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.290.516.528	5.114.285.603	(5.389.927.797)	1.014.874.334
Thuế khác	-	925.390.611	(907.868.347)	17.522.264
	2.689.118.478	114.387.064.866	(112.063.613.643)	5.012.569.701

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Lãi vay phải trả	27.501.476	7.247.876
Phí phải trả liên quan đến LC UPAS (*)	29.855.238.161	22.204.765.339
Chi phí dịch vụ đã được cung cấp phải trả	44.847.823.892	23.401.901.721
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	4.742.041.104	1.513.762.629
	79.472.604.633	47.127.677.565

(*) Đây là phí phải trả cho ngân hàng liên quan tới các thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (L/C UPAS) cho các hợp đồng bán hàng hóa của Công ty.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải trả cổ tức	1.402.008.716	1.397.931.734
Kinh phí công đoàn	213.778.385	137.000.190
Các khoản phải trả khác	4.704.874.820	1.229.923.109
	6.320.661.921	2.764.855.033

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Vay ngắn hạn

	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	588.970.326.767	1.104.296.246.579 (924.218.297.591)	776.733.524.329
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:			
		Loại tiền	31/12/2023 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội		VND	193.207.700.323
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 3		VND	65.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long		VND	14.965.460.412
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch số 3		USD	238.530.677.464
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long		USD	265.029.686.130
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam VIB - Chi nhánh Sở giao dịch		USD	-
			776.733.524.329
			588.970.326.767

Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng Công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay từ 150 đến 270 ngày và lãi suất vay được thỏa thuận theo từng lần nhận nợ. Các khoản vay bằng VND có lãi suất 6,8% - 8%/năm (1/1/2023: 5,8% - 8,3%/năm). Các khoản vay bằng ngoại tệ có lãi suất từ 5,5% - 7,2%/năm (1/1/2023: từ 2,79% - 6,27%/năm).

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng Công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2023 VND	2022 VND
Số dư đầu năm	157.982.130	1.812.938.817
Trích lập trong năm (Thuyết minh 20)	2.000.000.000	2.000.000.000
Sử dụng trong năm	(1.970.215.467)	(3.654.956.687)
Số dư cuối năm	187.766.663	157.982.130

19. Dự phòng phải trả dài hạn

	Bảo hành (*) VND	Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (**) VND	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	1.483.551.585	3.307.551.744	1.925.433.030	6.716.536.359
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(3.307.551.744)	(95.140.500)	(3.402.692.244)
Số dư cuối năm	1.483.551.585	-	1.830.292.530	3.313.844.115

(*) Chi phí bảo hành được trích lập theo điều khoản bảo hành trên từng hợp đồng cụ thể.

(**) Dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường là khoản dự phòng được trích lập theo Thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính áp dụng đối với doanh nghiệp hoạt động phục vụ trực tiếp cho hoạt động dầu khí và được sử dụng cho mục đích phòng ngừa, khắc phục, bù đắp các sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, với mức trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần phát sinh từ hoạt động dầu khí và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế phát sinh từ hoạt động dầu khí. Ngày 7 tháng 2 năm 2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 08/2023/TT-BTC bãi bỏ Thông tư 86 hướng dẫn một số nội dung về quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật bảo vệ môi trường. Vì vậy, trong năm, Tổng công ty không trích lập thêm và hoàn nhập khoản khoản dự phòng này.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển (*) VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	500.000.000.000	18.965.245.000	(18.544.782.020)	150.685.170.088	13.798.325.078	664.903.958.146
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	10.707.072.853	10.707.072.853
Bán cổ phiếu quỹ	-	21.138.786.618	18.544.782.020	-	-	39.683.568.638
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(11.500.000.000)	(11.500.000.000)
Số dư tại ngày 1/1/2023	500.000.000.000	40.104.031.618	-	150.685.170.088	11.005.397.931	701.794.599.637
Phát hành cổ phiếu (**)	211.950.000.000	(375.050.000)	-	-	-	211.574.950.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	6.000.970.680	6.000.970.680
Tăng vốn cổ phần từ Quỹ đầu tư phát triển	99.994.630.000	-	-	(99.994.630.000)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Chia cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	-	-	(9.000.000.000)	(9.000.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2023	811.944.630.000	39.728.981.618	-	50.690.540.088	6.006.368.611	908.370.520.317

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

(*) Trong những năm trước, Tổng Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển cho các dự án với tổng số tiền là 114.220.785.134 VND theo các nghị quyết:

- Nghị quyết số 2618/NQ-DMC ngày 11 tháng 12 năm 2012 sử dụng cho dự án Nhà máy Hóa phẩm Dầu khí Cái Mép với số tiền 24.888.000.000 VND;
- Nghị quyết số 1196/NQ-DMC ngày 13 tháng 6 năm 2014 sử dụng cho dự án Căn cứ dịch vụ DMC tại Quảng Ngãi với số tiền 3.307.485.134 VND;
- Nghị quyết số 850/NQ-DMC ngày 24 tháng 4 năm 2015 sử dụng để góp vốn vào Công ty TNHH Dung dịch Khoan M-I Việt Nam với số tiền 54.177.300.000 VND; và
- Nghị quyết số 91/NQ-DMC ngày 15 tháng 1 năm 2016 sử dụng cho dự án đầu tư hệ thống thiết bị làm sạch bồn bể, kho chứa dầu ngoài khơi, tàu chở dầu với số tiền 31.848.000.000 VND.

Trong năm 2023, Tổng Công ty đã sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần theo Nghị quyết số 766/NQ-PVChem ngày 26 tháng 6 năm 2023. Ngày 22 tháng 12 năm 2023, Nghị quyết số 1448/NQ-PVChem của Hội đồng Quản trị đã thông qua kết quả phát hành với số lượng 9.999.463 cổ phiếu cho 9.302 cổ đông.

(***) Ngày 28 tháng 12 năm 2023, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận Báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 1449/2023/BC-PVChem ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã phát hành thành công 21.195.000 cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong đó, 18.884.868 cổ phiếu đã được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền là 10:4,24. Số lượng 2.310.132 cổ phiếu còn lại được chào bán cho các đối tượng khác và sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vốn cổ phần của Tổng Công ty, chi tiết theo các cổ đông như sau:

Cổ đông	31/12/2023		1/1/2023	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	292.313.800.000	36	179.996.190.000	36
Các cổ đông khác	519.630.830.000	64	320.003.810.000	64
	811.944.630.000	100	500.000.000.000	100

- (*) Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam sở hữu 36% tỷ lệ lợi ích nhưng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của Tổng Công ty

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	50.000.000	500.000.000.000	50.000.000	500.000.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	31.194.463	311.944.630.000	-	-
Số dư cuối năm	81.194.463	811.944.630.000	50.000.000	500.000.000.000

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định chia khoản cổ tức bằng tiền trị giá 9.000 triệu VND (tương đương 180 VND trên một cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022 (2022: 11.500 triệu VND, tương đương 230 VND trên một cổ phiếu).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng một năm	6.479.474.880	5.520.804.960
Trong vòng hai đến năm năm	19.403.860.320	19.403.860.320
Sau năm năm	148.330.072.800	152.941.370.400
	174.213.408.000	177.866.035.680

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ ("USD")	4.518.447	108.803.631.924	18.672	436.638.029
Yên Nhật ("JPY")	23.433	4.482.002	24.885	4.759.730
Rúp Nga ("RUB")	4.505	1.156.884	-	-
		108.809.270.810		441.397.759

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Qingdao Chemical Co., Ltd	Doanh nghiệp không còn tồn tại	2014	101.882.720	101.882.720
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khang Minh	Không có khả năng thu hồi	2019	3.202.956.149	3.202.956.149
Công ty TNHH Phúc Quang Hồng Anh	Đang làm thủ tục phá sản	2019	2.889.365.019	2.889.365.019
Công ty TNHH Liên doanh DMC- VTS	Không có khả năng thu hồi	2019	801.763.240	801.763.240
Công ty Cổ phần Hóa chất Nhựa Đà Nẵng	Không có khả năng thu hồi	2019	718.414.483	718.414.483
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	Không có khả năng thu hồi	2019	544.708.695	544.708.695
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại P.P	Chi phí thu hồi lớn hơn giá trị thu hồi	2019	5.434.467	5.434.467
			8.264.524.773	8.264.524.773

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty bao gồm:

	2023 VND	2022 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa	1.778.463.107.339	1.779.732.997.122
▪ Cung cấp dịch vụ	424.037.685.174	184.033.135.655
		1.963.766.132.777
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	-	(481.301.907)
		1.963.284.830.870

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Giá vốn hàng bán**

	2023 VND	2022 VND
Giá vốn hàng bán	1.723.361.286.339	1.704.478.309.959
Giá vốn dịch vụ đã cung ứng	415.437.464.548	177.205.477.738
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 9)	15.059.779.754	(667.115.859)
	2.153.858.530.641	1.881.016.671.838

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2023 VND	2022 VND
Lãi tiền gửi	14.451.922.180	11.856.310.448
Cổ tức được chia	40.628.677.684	30.313.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.886.272.791	1.044.970.975
Doanh thu hoạt động tài chính khác	434.905.480	949.210
	62.401.778.135	43.215.730.633

28. Chi phí tài chính

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay	1.414.702.849	1.237.079.692
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.241.825.513	11.677.222.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.371.600.995	6.308.288.678
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính (Thuyết minh 5(b))	4.841.600.000	-
Chi phí tài chính khác	3.217.303.700	2.520.994.801
	20.087.033.057	21.743.585.912

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

29. Chi phí bán hàng

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	5.623.368.748	5.590.085.202
Chi phí vận chuyển	3.274.301.341	5.961.788.331
Chi phí hỗ trợ bán hàng	5.138.705.959	5.669.680.248
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	3.359.685.438	3.680.230.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	762.692.424	768.081.313
Chi phí bán hàng khác	6.690.638.861	12.018.265.231
	24.849.392.771	33.688.130.725

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	31.449.611.343	30.799.491.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.979.419	203.380.938
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(1.979.359.793)	(2.753.336.298)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.049.165.845	10.770.818.355
Chi phí thuê nhà	5.859.523.852	6.383.938.439
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.217.128.918	13.410.991.347
	63.734.049.584	58.815.284.393

31. Thu nhập khác

	2023 VND	2022 VND
Hoàn nhập dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường (Thuyết minh 19)	3.307.551.744	-
Tiền phạt, bồi thường thu được	-	233.100.911
Lãi thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản	194.081.818	4.736.364
Các khoản khác	3.075.886.923	1.452.941.935
	6.577.520.485	1.690.779.210

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Chi phí khác

	2023 VND	2022 VND
Các khoản bị phạt	745.348.430	442.149.518
Các khoản khác	2.204.765.970	1.778.445.474
	2.950.114.400	2.220.594.992

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2023 VND	2022 VND
Chi phí nhân viên	47.292.753.346	41.132.294.489
Chi phí khấu hao và phân bổ	14.391.247.699	15.033.231.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.990.864.236	228.367.776.755
Chi phí khác	173.387.079.283	54.596.268.465

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2023 VND	2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.000.970.680	10.707.072.853
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	1.200.194.136	2.141.414.571
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.096.527.047	1.056.830.141
Thu nhập không bị tính thuế	(8.125.735.537)	(6.062.700.000)
Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	5.829.014.354	2.864.455.288
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

(b) Thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

	31/12/2023		1/1/2023	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	26.898.579.260	5.379.715.852	(474.339.704)	(94.867.941)
Lỗ tính thuế	20.185.595.841	4.037.119.168	18.413.443.034	3.682.688.607
	47.084.175.101	9.416.835.020	17.939.103.330	3.587.820.666

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2026	Đã quyết toán	3.688.348.201
2027	Đã quyết toán	1.592.499
2028	Chưa quyết toán	16.495.655.141
		20.185.595.841

Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ bao gồm phần chi phí lãi vay được chuyển sang khấu trừ vào các kỳ tính thuế tiếp theo theo quy định của Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020. Khoản chênh lệch tạm thời này hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số lỗ được khấu trừ VND
2028	13.276.687.205

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư

	2023 VND	2022 VND
Cần trừ phải thu lợi nhuận được chia với phải trả người bán	10.228.490.583	5.390.745.787
Phân loại lại	22.500.000.000	55.751.414.900
	32.728.490.583	61.142.160.687

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Công ty mẹ		
<i>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i>		
Trả cổ tức	3.239.931.420	4.139.912.370
Bán hàng hóa và dịch vụ	10.901.506.533	2.128.796.648
Mua hàng hóa và dịch vụ	107.070.729	50.053.190
Công ty con		
<i>Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – Miền Nam</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	194.959.273	2.334.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	17.539.655.219	45.369.449.964
Cổ tức được chia	1.428.000.000	2.448.000.000
<i>Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí M-I Việt Nam</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.667.084.722	34.082.286.000
Lợi nhuận được chia	13.622.630.400	17.365.500.000
<i>Công ty TNHH Dung dịch khoan và Dịch vụ Dầu Khí</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	7.130.575.525	8.128.628.750
Mua hàng hóa và dịch vụ	48.772.865.891	4.973.908.031
Thu nhập khác	339.744.131	710.601.506
Lợi nhuận được chia	22.904.980.798	7.500.000.000
Góp vốn	30.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH PVChem – Tech</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	433.590.476	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	45.075.858.362	35.471.389.267
Thu nhập khác	401.282.279	241.340.423
Lợi nhuận được chia	2.673.066.486	3.000.000.000
Góp vốn	44.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Công nghiệp PVChem</i>		
Góp vốn thành lập bằng tiền	58.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Dịch vụ Hóa chất Dầu Khí</i>		
Góp vốn thành lập bằng tiền	124.000.000.000	-

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
Các công ty liên quan khác		
<i>Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	57.737.818.245	62.709.495.330
Mua hàng hóa và dịch vụ	285.874.455.226	472.417.349.915
<i>Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	-	446.865.260
<i>Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	14.127.649.740	8.007.314.390
<i>Viện Dầu khí Việt Nam</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.182.815.080	8.081.817.535
<i>Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	819.154.600	373.690.500
<i>Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	454.300.217.853	183.253.299.613
<i>Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam</i>		
Lãi tiền gửi	6.521.970.040	6.690.464.595
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.359.431.141	4.014.233.220
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	7.580.179.620
<i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	68.583.508.447	60.345.891.225
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.248.679.739	1.482.075.609
<i>Liên doanh Việt - Nga Vietsovetro - Hợp đồng dầu khí Lô 04-3</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	691.250.000	-
<i>Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.645.818.786	3.501.132.076
<i>Chi nhánh Nghi Sơn – Công ty Cổ phần quản lý và khai thác tài sản Dầu khí</i>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.739.830.018	-

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023**

(tiếp theo)

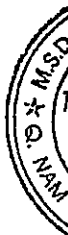
Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<i>Công ty TNHH - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí Lô 01 & 02 (Điều hành dầu khí)</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	43.022.740.000	2.057.800.000
<i>Công ty TNHH - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	6.194.315.900	-
<i>Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước - Lô 05.1a</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	3.642.896.800	4.193.558.550
<i>Công Ty TNHH MTV Điều Hành Thăm Dò Khai Thác Dầu Khí Trong Nước-Mỏ Sông Đốc</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	4.206.601.680	-
<i>Công ty Cổ phần Bảo dưỡng Công trình Dầu khí</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	-	38.640.000
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Khí Cà Mau</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	23.124.000	1.703.732.450
<i>Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (BL. 15-1)</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	66.171.487.942	55.439.423.784
<i>Chi nhánh Khí Hải Phòng - Tổng Công ty Khí Việt Nam</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	616.160.000
<i>Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	538.989.808
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC</i> Bán hàng hóa và dịch vụ Mua hàng hóa và dịch vụ	- 67.713.522.296	6.526.616.100 222.863.636
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Xí nghiệp Tổng kho Xăng dầu Miền Đông</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	695.454.545	1.881.481.482
<i>Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khí</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	3.963.783.400

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

	Giá trị giao dịch	
	2023 VND	2022 VND
<i>Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	2.171.985.286	4.778.200.000
<i>KNOC- Văn phòng điều hành tại TP. Hồ Chí Minh</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	-	656.600.000
<i>Công ty Cổ phần Phân Bón Dầu Khí Cà Mau</i> Bán hàng hóa và dịch vụ	3.682.251.200	-
<i>Công ty Bảo hiểm PVI Hà Nội</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	213.331.952	-
<i>Công ty CP CN thông tin, viễn thông và tự động hoá Dầu khí</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	54.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đào Tạo Kỹ Thuật PVD</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	17.640.000	-
<i>Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	5.251.050	-
<i>Trường Cao đẳng Dầu khí</i> Mua hàng hóa và dịch vụ	7.158.528.000	-



Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính))

Lương, thưởng và các giao dịch khác của nhân sự quản lý chủ chốt

		2023 VND	2022 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị			
<i>Thù lao và thưởng</i>			
Ông Trương Đại Nghĩa	Chủ tịch	1.137.350.000	979.110.000
Ông Trần Hồng Kiên	Ủy viên độc lập kiêm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán	911.012.000	762.300.000
Ông Hà Duy Tân	Ủy viên chuyên trách kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	947.600.000	815.760.000
Ông Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ủy viên chuyên trách kiêm Thành viên Ủy ban Kiểm toán	947.600.000	815.760.000
<i>Thù lao, lương và thưởng</i>			
Ông Phan Công Thành	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc (đến ngày 25/1/2024)	993.364.955	957.398.400
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc			
<i>Tiền lương và thưởng</i>			
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	853.626.545	853.783.855
Ông Phạm Ngọc Khuê	Phó Tổng Giám đốc	853.626.545	853.783.855
Ông Trương Việt Phương	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 23/11/2023)	818.861.236	853.783.855
Ông Vũ An	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 6/12/2023)	27.846.000	-

31120
 ÔNG T
 HIỆM III
 PMG
 1 - T.1

Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Phí dịch vụ đã trả và phải trả cho công ty kiểm toán

	2023 VND	2022 VND
Phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính	300.000.000	284.000.000
Phí cho các dịch vụ khác (gồm các dịch vụ phi đảm bảo và soát xét thông tin tài chính)	190.000.000	170.000.000

38. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

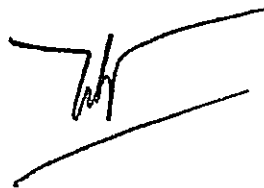
Người lập



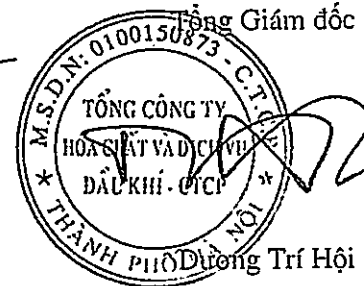
Đào Thị Đức Hạnh

18-03-2024

Kế toán trưởng

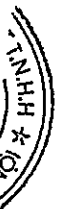


Trần Văn Trinh



Tổng Giám đốc

Đường Trí Hội



Hà Nội, ngày tháng 03 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023
và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024**

Kính gửi : Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty PVChem

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận của Tổng Công ty năm 2024 như sau :

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ		Số tiền (VNĐ)	
		KH	TH	KH	TH
I	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (LNST) năm trước chuyển sang			5.397.931	5.397.931
II	LNST từ kết quả SXKD năm 2023			24.100.000.000	6.000.970.680
III	LNST chưa phân phối lũy kế thời điểm 31/12/2023			24.105.397.931	6.006.368.611
IV	Phương án phân phối (%/LNST)			24.100.000.000	6.006.368.611
1.1	Chia cổ tức bằng tiền mặt (%/MG) (PA VDL 500 tỷ đồng)	4%		20.000.000.000	
1.2	Chia cổ tức bằng tiền mặt (%/MG) (Vốn điều lệ 811,9 tỷ đồng)		0,60%		4.871.667.780
2	Phân phối quỹ (%/tổng số tiền phân phối)	17,01%	18,89%	4.100.000.000	1.134.700.831
2.1	Quỹ Đầu tư phát triển	0,00%	0,00%	-	-
22	Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	17,01%	18,89%	4.100.000.000	1.134.700.831
V	LNST còn được phân phối chuyển sang năm 2024			5.397.931	-

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế năm 2024 :

- Dự kiến chia cổ tức: 5,5% / Mệnh giá cổ phiếu.
- Dự kiến trích lập Quỹ Khen thưởng và phúc lợi: 1,84 tỷ đồng.

Kính trình Đại hội xem xét, thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trương Đại Nghĩa

Số: /TTr-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc : Lựa chọn đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2024 của PVChem

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí -CTCP

Căn cứ điểm đ, khoản 3, Điều 161, Luật Doanh nghiệp quy định quyền, nghĩa vụ của Ủy Ban Kiểm toán (UBKT) “Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt”;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP;

Trên cơ sở danh sách các đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính PVChem năm 2024 do Ban TCKT đề xuất gồm 05 đơn vị kiểm toán cụ thể như sau :

1. Công ty TNHH KPMG
2. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
3. Công ty TNHH Grant Thornton (GT)
4. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C (A&C)
5. Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY (UHY)

Sau khi xem xét năng lực của các Công ty Kiểm toán, UBKT nhận thấy 05 đơn vị nêu trên có thể đáp ứng yêu cầu kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của PVChem, UBKT kính trình ĐHĐCĐ:

Ủy quyền để HĐQT PVChem lựa chọn 1 (một) trong 5 (năm) công ty kiểm toán có tên sau : Công ty TNHH KPMG; Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; Công ty TNHH Grant Thornton; Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C; Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY, là công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Tổng công ty phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, UBKT.

TM. ỦY BAN KIỂM TOÁN
CHỦ TỊCH

Trần Hồng Kiên

Số: /TTr-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP (PVChem) ban hành kèm theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) PVChem;

Căn cứ Nghị quyết số 1246/NQ-PVChem ngày 03/11/2023 của Hội đồng quản trị PVChem thông qua kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị quyết số 1448/NQ-PVChem ngày 22/12/2023 của Hội đồng quản trị PVChem thông qua kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.

Năm 2023, PVChem đã thực hiện thành công Phương án tăng vốn Điều lệ được ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 766/NQ-PVChem ngày 26/6/2023. Vốn Điều lệ của PVChem đã tăng từ 500 tỷ đồng lên hơn 812 tỷ đồng. Theo Chiến lược phát triển PVChem đến 2035 được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua tại Nghị quyết số 668/NQ-PVChem ngày 27/6/2022, dự kiến đến 2025, vốn Điều lệ của PVChem sẽ tăng lên 1.500 tỷ đồng. Để phù hợp với vốn Điều lệ mới cũng như quy mô phát triển của PVChem trong thời gian tới, PVChem đề xuất sửa đổi một số nội dung của Điều lệ PVChem như sau:

TT	Tên Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do
1	Khoản 6.1, Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông	Vốn điều lệ của PVChem là 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của PVChem được chia thành 50.000.000 (Năm mươi triệu) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).	Vốn điều lệ của PVChem là 811.944.630.000 đồng (Tám trăm mười một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng). Tổng số vốn điều lệ của PVChem được chia thành 81.194.463 (Tám mươi một triệu, một trăm chín tư nghìn, bốn trăm sáu mươi ba) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).	Theo kết quả phát hành cổ phiếu tăng vốn Điều lệ

TT	Tên Điều	Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do
2	Điểm e, khoản 14.1, Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản giá trị từ <i>ba mươi lăm phần trăm (35%)</i> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất của PVChem;	Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản giá trị từ <i>năm mươi phần trăm (50%)</i> tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất của PVChem;	<i>Sửa tỷ lệ % trên tổng giá trị tài sản cho phù với quy mô Vốn điều lệ mới và tăng tính chủ động cho Ban lãnh đạo Tổng công ty trong hoạt động SXKD</i>

Các nội dung khác của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động PVChem ban hành kèm theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/07/2021 của ĐHĐCĐ không thay đổi.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tk.PVChem, TCNL.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trương Đại Nghĩa

Số: /TTr-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua thay đổi vốn điều lệ
của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính Phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/03/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP (PVChem) ban hành kèm theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) PVChem;

Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 766/NQ-PVChem ngày 26/06/2023 kèm theo Tờ trình 736/TTr-PVChem ngày 21/6/2023 về việc Phương án tăng vốn Điều lệ PVChem năm 2023;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 363/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/10/2023;

Căn cứ Công văn số 774/UBCK-QLCB ngày 10/11/2023 về việc kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của PVC;

Căn cứ Công văn số 9376/UBCK-QLCB ngày 28/12/2023 về việc báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của PVC;

Năm 2023, PVChem đã thực hiện thành công Phương án tăng vốn Điều lệ được HĐQT thường niên năm 2023 thông qua tại Nghị quyết số 766/NQ-PVChem ngày 26/6/2023. Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 thông qua nội dung sau:

1. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ do tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 500.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng đồng).
- Vốn điều lệ mới: 811.944.630.000 đồng (Tám trăm mười một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng)..

- Hình thức tăng vốn: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- 2. **Đại hội đồng cổ đông giao (ủy quyền) cho Hội đồng quản trị thực hiện Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đăng ký tăng vốn điều lệ) theo quy định.**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, Tk.PVChem, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH 

Trương Đại Nghĩa

Số: /TTr-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

**V/v: Miễn nhiệm, bầu bổ sung nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 15/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của PVChem ban hành kèm theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/7/2021 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ).

Trên cơ sở đơn từ nhiệm ngày 24/01/2024 của ông Phan Công Thành, Hội đồng quản trị PVChem đã thống nhất và ban hành Nghị quyết số 140/NQ-PVChem ngày 24/01/2024 về việc chấm dứt tư cách Thành viên HĐQT PVChem của ông Phan Công Thành. Hội đồng Quản trị PVChem kính trình ĐHĐCĐ về việc miễn nhiệm, bầu bổ sung nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị PVChem như sau:

- Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng Quản trị PVChem đối với ông Phan Công Thành kể từ ngày 25/01/2024.
- Bầu bổ sung ông Dương Trí Hội - Tổng Giám đốc PVChem là Người đại diện 10% phần vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVChem thay ông Phan Công Thành và giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị PVChem.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (e-copy);
- Lưu: VT, TK.PVChem, TCNL.

Tài liệu gửi kèm:

- Lý lịch trích ngang của ông Dương Trí Hội;
- Đơn từ nhiệm của ông Phan Công Thành.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Trương Đại nghĩa

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁ NHÂN

Họ và tên: **Ông Dương Trí Hội**

Sinh ngày: 18/4/1978

Quê quán: Xã Thạch Hội, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

Nơi ở hiện nay: C09-07 Hoàng Anh - River View, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế hoạch - Đầu tư, Kỹ sư Điện Công nghiệp

Lý luận chính trị: Cao cấp

Quá trình công tác:

- | | |
|----------------------------|--|
| 10/2002 - 06/2003 | Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí; Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh. |
| 07/2003 - 12/2004 | Cán bộ Kỹ thuật - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí; Phó bí thư Đoàn Cơ sở Công ty. |
| 01/2005 - 12/2006 | Phó Giám đốc Dự án PVE/BDA PM3-CM - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí; Ủy viên thường vụ Đoàn khối Dầu khí; Phó Bí thư Đoàn TN Cơ sở Công ty. |
| 01/2007 - 12/2007 | Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng Tiếp thị - Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí. |
| 01/2008 - 08/2008 | Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Phân bón Miền Trung - Tây Nguyên. |
| 09/2008 - 12/2010 | Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung; Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Bí thư Chi bộ Cơ sở Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung. |
| 01/2011 - 02/2011 | Giám đốc - Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung; Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Bí thư Chi bộ Cơ sở Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung. |
| 03/2011 - 06/2013 | Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ; Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Phó bí thư Chi bộ Cơ sở Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. |
| 07/2013 - 6/2015 | Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí. |
| 7/2015 - 16/4/2019 | Ủy viên Ban TVĐU, Bí thư Đảng ủy cơ quan, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí. |
| Từ 17/4/2019-
30/4/2019 | Ủy viên Ban TVĐU, Bí thư Đảng ủy cơ quan, Người đại diện phần vốn của PVN tại TCT, TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí. |



01/5/2019 -24/01/2024	Ủy viên Ban TVĐU TCT, Bí thư Đảng ủy cơ quan TCT, Người đại diện phân vốn của PVN tại TCT, TV HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
25/01/2024 - 06/02/2024	Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng giám đốc PVChem
06/02/2024 - nay	Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng giám đốc PVChem, Người đại diện phân vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVChem



Số: /NQ-PVChem

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VÀ DỊCH VỤ DẦU KHÍ – CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 15/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP (PVChem);

Căn cứ Biên bản họp số/BB-PVChem ngày .../.../2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên PVChem năm 2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của PVChem với tỷ lệ tán thành%, một số chỉ tiêu chính như sau:

1.1 Kết quả thực hiện năm 2023

.....

1.2. Kế hoạch năm 2024

.....

Điều 2. Thông qua Báo cáo Tổng kết hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Hội đồng quản trị PVChem với tỷ lệ tán thành%.

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Ủy viên HĐQT độc lập PVChem trong UBKT năm 2023 với tỷ lệ tán thành%.

Điều 4. Thông qua Tờ trình về chế độ tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác của Hội đồng quản trị với tỷ lệ tán thành%, cụ thể:

4.1. Thực hiện chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp và lợi ích khác năm 2023

- Tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác đối với HĐQT thực hiện theo Nghị quyết của ĐHCĐ thường niên 2023, phù hợp với Quy định/Quy chế nội bộ và kết quả SXKD của Tổng công ty.
- Tổng thu nhập trước thuế đối với HĐQT là tỷ đồng (trong đó tiền lương, phụ cấp tỷ đồng, lợi ích khác là tỷ đồng)

4.2. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp 2024

Năm 2024 chế độ tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác đối với HĐQT thực hiện theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng của Tổng công ty. Kế hoạch tiền lương, phụ cấp năm 2024 đối với HĐQT dự kiến là tỷ đồng (Tiền lương, phụ cấp năm 2024 sẽ được thực hiện phù hợp với tình hình thực tế, kết quả SXKD và quy định của Tổng công ty).

LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CÁ NHÂN

Họ và tên: **Ông Dương Trí Hội**

Sinh ngày: 18/4/1978

Quê quán: Xã Thạch Hội, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh

Nơi ở hiện nay: C09-07 Hoàng Anh - River View, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp Hồ Chí Minh

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Kế hoạch - Đầu tư, Kỹ sư Điện Công nghiệp

Lý luận chính trị: Cao cấp

Quá trình công tác:

- | | |
|----------------------------|--|
| 10/2002 - 06/2003 | Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí; Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh. |
| 07/2003 - 12/2004 | Cán bộ Kỹ thuật - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí; Phó bí thư Đoàn Cơ sở Công ty. |
| 01/2005 - 12/2006 | Phó Giám đốc Dự án PVE/BDA PM3-CM - Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí; Ủy viên thường vụ Đoàn khối Dầu khí; Phó Bí thư Đoàn TN Cơ sở Công ty. |
| 01/2007 - 12/2007 | Trợ lý Tổng Giám đốc; Trưởng phòng Tiếp thị - Công ty Phân Đạm và Hóa chất Dầu khí. |
| 01/2008 - 08/2008 | Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Phân bón Miền Trung - Tây Nguyên. |
| 09/2008 - 12/2010 | Giám đốc Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung; Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Bí thư Chi bộ Cơ sở Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung. |
| 01/2011 - 02/2011 | Giám đốc - Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung; Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Bí thư Chi bộ Cơ sở Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí miền Trung. |
| 03/2011 - 06/2013 | Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ; Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí, Phó bí thư Chi bộ Cơ sở Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. |
| 07/2013 - 6/2015 | Đảng ủy viên Đảng bộ Tổng Công ty, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí. |
| 7/2015 - 16/4/2019 | Ủy viên Ban TVĐU, Bí thư Đảng ủy cơ quan, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí. |
| Từ 17/4/2019-
30/4/2019 | Ủy viên Ban TVĐU, Bí thư Đảng ủy cơ quan, Người đại diện phần vốn của PVN tại TCT, TV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí. |



01/5/2019 -24/01/2024	Ủy viên Ban TVĐU TCT, Bí thư Đảng ủy cơ quan TCT, Người đại diện phân vốn của PVN tại TCT, TV HĐQT Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.
25/01/2024 - 06/02/2024	Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng giám đốc PVChem
06/02/2024 - nay	Phó Bí thư Đảng ủy, Tổng giám đốc PVChem, Người đại diện phân vốn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại PVChem



Điều 5. Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán với tỷ lệ tán thành%.

Điều 6. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 với tỷ lệ tán thành%, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

.....

2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận lũy kế năm 2024 :

- Dự kiến chia cổ tức:%/Mệnh giá cổ phiếu.
- Dự kiến trích lập Quỹ Khen thưởng và phúc lợi: tỷ đồng.

Điều 7. Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024 với tỷ lệ tán thành%.

.....

Điều 8. Thông qua thay đổi vốn điều lệ của Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí – CTCP với tỷ lệ tán thành.....%, cụ thể

8.1. Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ do tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

- Vốn điều lệ đã đăng ký: 500.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn điều lệ sau khi thay đổi: 811.944.630.000 đồng (*Tám trăm mười một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).
- Hình thức tăng vốn: Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu và phát hành từ nguồn vốn chủ sở hữu.

8.2. Đại hội đồng cổ đông giao (ủy quyền) cho Hội đồng quản trị thực hiện Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (đăng ký tăng vốn điều lệ) theo quy định.

Điều 9. Thông qua sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí-CTCP với tỉ lệ tán thành.....%, cụ thể:

- Khoản 6.1, Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông

Vốn điều lệ của PVChem là 811.944.630.000 đồng (*Tám trăm mười một tỷ, chín trăm bốn mươi bốn triệu, sáu trăm ba mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của PVChem được chia thành 81.194.463 (*Tám mươi một triệu, một trăm chín tư nghìn, bốn trăm sáu mươi ba*) cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*).

- Điểm e, khoản 14.1, Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản giá trị từ *năm mươi phần trăm (50%)* tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính kỳ gần nhất của PVChem;

- Các nội dung khác của Điều lệ Tổ chức và Hoạt động PVChem ban hành kèm theo Nghị quyết số 912/NQ-PVChem ngày 02/07/2021 của ĐHĐCĐ không thay đổi.

Điều 10. Thông qua kết quả miễn nhiệm/bầu Thành viên HĐQT, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm Thành viên HĐQT đối với ông Phan Công Thành với tỷ lệ tán thành.....
- Bầu Ông Dương Trí Hội là Thành viên HĐQT PVChem với số quyền bầu là, đạt tỷ lệ% tổng số quyền bầu.

Điều 11. Điều khoản thi hành

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các Ban/Văn phòng liên quan thuộc Công ty Mẹ - PVChem và các Cổ đông của PVChem chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN; } (để b/c)
- TTLK&C;
- Lưu: VT, TK.HĐQT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trương Đại Nghĩa

Tài liệu kèm Nghị quyết:

1. Báo cáo số Tổng kết hoạt động năm 2023 và Kế hoạch hoạt động năm 2024 của HĐQT PVChem.
2. Báo cáo Tổng kết hoạt động của thành viên HĐQT độc lập trong Ủy ban Kiểm toán năm 2023.
3. Báo cáo Tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch SXKD năm 2024.
4. Tờ trình số về chế độ tiền lương, phụ cấp và lợi ích khác của HĐQT PVChem.
5. Tờ trình về việc thông qua Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2023..
6. Tờ trình về việc Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024.
7. Tờ trình về việc thay đổi Vốn điều lệ PVChem;
8. Tờ trình số về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và Hoạt động PVChem
9. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2024.
10. Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT đối với ông Phan Công Thành và Tờ trình số về bầu Thành viên HĐQT PVChem.